

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỀ TÀI
KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI &
KỸ THUẬT SAP

Giảng viên hướng dẫn	: ThS. Lâm Xuân Đào
Sinh viên thực hiện	: Trần Thu Thảo
Mã số sinh viên	: 2254010010
Khóa học	: 2022 -2026
Lớp	: 22KH1

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA KINH TẾ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BỘ MÔN KẾ TOÁN

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 03 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Trần Thu Thảo
- Chuyên ngành: Kế Toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp: KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP.

3. Cán bộ hướng dẫn: Ths. Lâm Xuân Đào

4. Ngày giao nhiệm vụ Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

5. Ngày sinh viên phải hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ	v
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	vi
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	viii
LỜI CẢM ƠN.....	ix
LỜI MỞ ĐẦU	x
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	1
1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế	1
1.1.1. Khái niệm về thuế	1
1.1.2. Đặc điểm và vai trò của thuế.....	1
1.1.3. Phân loại thuế.....	1
1.1.4. Các loại thuế ở Việt Nam.....	2
1.2. Cơ sở lý luận về thuế giá trị gia tăng	3
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế giá trị gia tăng	3
1.2.2. Hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành quy định về thuế giá trị gia tăng.....	4
1.2.3. Đối tượng chịu thuế, nộp thuế và đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng	5
1.2.4. Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng.....	8
1.2.5. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng	11
1.2.6. Thủ tục kê khai, lập, nộp và hoàn thuế giá trị gia tăng.....	16
1.2.7. Kế toán thuế giá trị gia tăng.....	18
1.3. Cơ sở lý luận về thuế thu nhập doanh nghiệp	21
1.3.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp.....	21
1.3.2. Hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp.....	22
1.3.3. Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	22
1.3.4. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp	23

1.3.5. Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi	27
1.3.6. kê khai, nộp và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp	29
1.3.7. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	31
CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP	34
2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	34
2.1.1. Giới thiệu khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	34
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	34
2.1.3. Đặc điểm, tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	35
2.1.4. Đặc điểm, tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	36
2.1.5. Hình thức ghi sổ tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	36
2.1.6. Chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	38
2.2. Thực trạng kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP ...	38
2.2.1. Thực trạng kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	38
2.2.2. Thực trạng thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	58
CHƯƠNG III : NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP	75
3.1. Nhận xét và một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	75
3.1.1. Ưu điểm	75

3.1.2. <i>Nhược điểm</i>	75
3.1.3. <i>Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác thuế giá trị gia tăng</i>	76
3.2. Nhận xét và một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP	78
3.2.1. <i>Ưu điểm</i>	78
3.2.2. <i>Nhược điểm</i>	78
3.2.3. <i>Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	78
KẾT LUẬN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC SƠ ĐỒ

- Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào theo phương pháp khấu trừ.
- Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra theo phương pháp khấu trừ.
- Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra theo phương pháp trực tiếp.
- Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN và chi phí.
- Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.
- Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.
- Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty.
- Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy tính.
- Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty.

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Hóa đơn GTGT số 6421.

Hình 2.2: Hóa đơn GTGT số 3010.

Hình 2.3: Giao diện đăng nhập vào phần mềm SMART PRO.

Hình 2.4: Hóa đơn mua vào số 6421 nhập liệu vào phần mềm SMART PRO.

Hình 2.5: Hóa đơn mua vào số 3010 nhập liệu vào phần mềm SMART PRO.

Hình 2.6: Trích sổ cái TK 133, sổ chi tiết TK 1331 quý 4 năm 2025.

Hình 2.7: Hóa đơn GTGT số 196.

Hình 2.8: Hóa đơn GTGT số 202.

Hình 2.9: Hóa đơn GTGT số 196 nhập liệu vào phần mềm SMART PRO.

Hình 2.10: Hóa đơn GTGT số 202 nhập liệu vào phần mềm SMART PRO.

Hình 2.11: Trích sổ chi tiết TK 33311 quý 4 năm 2025.

Hình 2.12: Trích sổ cái TK 3331 quý 4 năm 2025.

Hình 2.13: Bảng kê mua vào, bán ra quý 4 năm 2025.

Hình 2.14: Giao diện phần mềm HTKK.

Hình 2.15: Giao diện đăng nhập tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Hình 2.16: Tờ khai thuế GTGT trên phần mềm HTKK.

Hình 2.17: Phụ lục giảm thuế trên phần mềm HTKK.

Hình 2.18: Cách đăng nhập vào trang dịch vụ công.

Hình 2.19: Cách nộp tờ khai thuế GTGT.

Hình 2.20: Cách tra cứu tờ khai thuế GTGT đã nộp.

Hình 2.21: Tờ khai thuế GTGT quý 4 năm 2025 đã kí điện tử.

Hình 2.22: Phụ lục giảm thuế quý 4 năm 2025 đã kí điện tử.

Hình 2.23: Giấy nộp tiền thuế GTGT quý 4 năm 2025.

Hình 2.24: Trích sổ cái TK 511 năm 2025.

Hình 2.25: Trích sổ cái TK 515 năm 2025.

Hình 2.26: Trích sổ cái TK 632 năm 2025.

Hình 2.27: Trích sổ chi tiết TK 6421 năm 2025.

Hình 2.28: Trích sổ chi tiết TK 6422 năm 2025.

Hình 2.29: Trích sổ cái TK 811 năm 2025.

Hình 2.30: Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025.

Hình 2.31: Giao diện HTKK phân hệ thuế TNDN.

Hình 2.32: Hướng dẫn chọn phụ lục kê khai thuế TNDN.

Hình 2.33: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025.

Hình 2.34: Trích sổ cái TK 821 năm 2025.

Hình 3.35: Trích sổ chi tiết TK 3334 năm 2025.

Hình 2.36: Cách nộp tờ khai thuế TNDN.

Hình 2.37: Giấy nộp tiền thuế TNDN năm 2025.

Hình 2.38: Giấy tạm nộp tiền thuế TNDN.

Hình 3.1: Hóa đơn GTGT số 10904 nhập liệu vào phần mềm Smartpro

Hình 3.2: Minh họa hàm excel

Hình 3.3: Tờ khai thuế GTGT quý 4 năm 2025 minh họa

Hình 3.4: Trích minh họa hạch toán

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Tên viết tắt	Tên đầy đủ
BCTC	Báo Cáo Tài Chính
TT	Thông tư
BTC	Bộ Tài Chính
GTGT	Giá Trị Gia Tăng
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
NKC	Nhật ký chung
TSCĐ	Tài sản cố định
QH	Quốc Hội
TK	Tài khoản
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
HTKK	Phần mềm hỗ trợ kê khai thuế
NĐ	Nghị định
CP	Chính phủ
KCT	Không chịu thuế
KH&CN	Khoa học và công nghệ
VAT	Thuế giá trị gia tăng
ĐK	Điều kiện
PL	Phụ lục
BKMV	Bảng kê mua vào
BKBR	Bảng kê bán ra

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian học tập tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, em đã nhận được sự quan tâm, giảng dạy tận tình của quý thầy cô, những người đã truyền đạt cho em hệ thống kiến thức từ cơ bản đến chuyên ngành. Những kiến thức quý báu đó không chỉ giúp em hoàn thành tốt chương trình học tập mà còn là nền tảng vững chắc hỗ trợ em trong quá trình thực tập cũng như công việc sau khi ra trường.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu nhà trường cùng toàn thể quý thầy cô đã luôn tận tâm chỉ dạy, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành khóa thực tập một cách tốt nhất. Em kính chúc quý thầy cô luôn dồi dào sức khỏe và tiếp tục gặt hái nhiều thành công trong sự nghiệp trồng người.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô **Lâm Xuân Đào** – Giảng viên hướng dẫn, người đã tận tình theo sát, hướng dẫn và đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho em trong suốt thời gian làm khóa luận tốt nghiệp. Nhờ sự chỉ dẫn tận tâm của cô, bài khóa luận tốt nghiệp của em đã được hoàn thiện một cách đầy đủ và đúng hướng.

Bên cạnh đó, em xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc **Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP** đã tạo điều kiện cho em được thực tập tại doanh nghiệp. Em cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các anh/chị trong bộ phận kế toán đã nhiệt tình hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm thực tế và hỗ trợ em trong quá trình làm việc, giúp em hiểu rõ hơn về nghiệp vụ kế toán cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp trong môi trường doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP, em đã có cơ hội tiếp cận thực tế, học hỏi thêm nhiều kiến thức bổ ích và vận dụng những lý thuyết đã được học tại trường vào công việc thực tiễn. Tuy nhiên, do thời gian thực tập có hạn và kiến thức thực tế còn nhiều hạn chế nên báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ dẫn của quý thầy cô để em có thể hoàn thiện hơn, nâng cao chuyên môn và phục vụ tốt hơn cho công việc sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng với thế giới, hệ thống thuế đóng vai trò then chốt trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong số các sắc thuế hiện hành, thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp là ba loại thuế quan trọng, không chỉ có ý nghĩa lớn đối với nguồn thu ngân sách mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thuế giá trị gia tăng là loại thuế gián thu đánh trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Trong khi đó, thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu đánh vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp. Việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật thuế không chỉ giúp doanh nghiệp nâng cao tính tuân thủ, tránh rủi ro pháp lý mà còn phản ánh sự minh bạch, chuyên nghiệp trong quản trị tài chính.

Xuất phát từ tầm quan trọng của thuế giá trị gia tăng đối với cả Nhà nước và doanh nghiệp, em quyết định chọn đề tài “Kế toán thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP” làm khóa luận tốt nghiệp. Nội dung khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

Chương I: Cơ sở lý luận về kế toán Thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng kế toán Thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.

Chương III: Nhận xét và một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán Thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề cơ bản về thuế

1.1.1. Khái niệm về thuế

Căn cứ vào khoản 1 điều 3 luật số 38/2019/QH14 Luật quản lý thuế quy định như sau: “*Thuế* là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế”

Thuế được coi là khoản thu quan trọng nhất vì khoản thu này mang tính chất ổn định để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước và khi nền kinh tế càng phát triển thì khoản thu này càng tăng.

1.1.2. Đặc điểm và vai trò của thuế

1.1.2.1. Đặc điểm

- Thuế là tiền cần thiết để duy trì quyền lực chính trị và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.
- Thuế dựa vào thực trạng của nền kinh tế (GDP, chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá sản xuất, thu nhập, lãi suất...).
- Thuế được thực hiện theo nguyên tắc hoàn trả không trực tiếp là chủ yếu.

1.1.2.2. Vai trò

- Thuế giữ vai trò quan trọng trong xã hội hiện tại nếu không có thuế nhà nước sẽ không thể hoạt động vững mạnh.
- Thuế được coi là khoản thu quan trọng nhất, mang tính chất ổn định lâu dài và khi nền kinh tế càng phát triển thì khoản thu này càng tăng.
- Góp phần thực hiện chức năng kiểm kê, kiểm soát, quản lý hướng dẫn và khuyến khích phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông đối với tất cả các thành phần kinh tế theo hướng phát triển của kế hoạch nhà nước, góp phần tích cực vào việc điều chỉnh các mặt mặt cân đối lớn trong nền kinh tế quốc dân.

1.1.3. Phân loại thuế

1.1.3.1. Theo hình thức thu

- **Thuế trực thu:** Là loại thuế thu trực tiếp vào khoản thu nhập, lợi ích thu được của các tổ chức kinh tế hoặc cá nhân.
- **Thuế gián thu:** Là loại thuế do các nhà sản xuất, thương nhân hoặc người cung cấp dịch vụ nộp cho Nhà nước thông qua việc cộng số thuế này vào giá bán cho người tiêu dùng chịu.

1.1.3.2. Theo tính chất hành chính

- **Thuế nhà nước (quốc gia):** Nộp vào ngân sách trung ương.
- **Thuế địa phương:** Nộp vào ngân sách chính quyền địa phương.

Cách phân loại này thường được sử dụng trong kế toán quốc gia, dựa vào cách tổ chức quản lý thu và cấp ngân sách thụ hưởng chúng.

1.1.3.3. Theo tính chất kinh tế

- **Dựa theo yếu tố kinh tế bị đánh thuế:** Thuế được chia thành thuế đánh vào thu nhập, thuế đánh vào tài sản tiêu dùng, thuế đánh vào tài sản, thuế đánh vào doanh nghiệp

- **Dựa theo yếu tố và tác nhân kinh tế chịu thuế:** Thuế có các loại gồm thuế đánh vào doanh nghiệp như: Thuế môn bài, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt, phí, lệ phí khác, tiền thuế đất, thuế đánh vào hộ gia đình, thuế đánh vào sản phẩm.

- **Dựa theo lĩnh vực, thuế được phân chia theo các lĩnh vực kinh tế bị đánh thuế:** Ví dụ thuế đánh vào bảo hiểm, thuế đánh vào tiết kiệm, thuế đánh vào bất động sản...

1.1.4. Các loại thuế ở Việt Nam

- **Thuế thu nhập cá nhân:** Là một loại thuế trực thu, đánh vào những cá nhân có thu nhập vượt mức khởi điểm cần đóng thuế. Trong đó đối tượng chịu thuế là cá nhân có thu nhập cao gồm: Công dân Việt Nam ở nước ngoài, công dân Việt Nam sinh sống tại lãnh thổ Việt Nam, đối tượng nước ngoài có thu nhập từ Việt Nam.

- **Thuế giá trị gia tăng:** Là loại thuế tính dựa trên khoản phát sinh tăng thêm/chênh lệch từ hàng hoá dịch vụ từ sản xuất/lưu thông đến người tiêu dùng. Khi kê khai thuế giá trị gia tăng, doanh nghiệp có 02 cách thức gồm kê khai theo phương pháp trực tiếp hoặc theo phương pháp khấu trừ.

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Thuế tiêu thụ đặc biệt được áp dụng chủ thể là doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh và là đối tượng chịu thuế theo quy định. Ý nghĩa của thuế tiêu thụ đặc biệt là điều tiết nguồn cung là sản phẩm, dịch vụ không có lợi với người tiêu dùng.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là một khoản thuế trực thu dựa trên nguồn thu tổng thu nhập của doanh nghiệp.

- **Thuế sử dụng đất:** Là nguồn thu từ chủ thể sử dụng đất khi nhà nước đã giao đất người sử dụng đất thì chủ thể phải có nghĩa vụ nộp tiền thuế.

- **Thuế xuất nhập khẩu:** Đây là một loại thuế trực thu, áp dụng với cá nhân/tổ chức với mức tính thuế dựa theo giá trị mặt hàng xuất nhập khẩu.

- **Thuế tài nguyên:** Là khoản thu từ doanh nghiệp khai thác tài nguyên, theo sản lượng tài nguyên bị tính thuế, thuế suất, giá tính thuế.

- **Thuế bảo vệ môi trường:** Để điều tiết hoạt động tác động đến môi trường, pháp luật Việt Nam đã ban hành các quy định về việc thu thuế bảo vệ môi trường.

- **Lệ phí môn bài:** Lệ phí môn bài hay thuế môn bài, là loại thuế mà doanh nghiệp phải chịu nộp từ đầu năm cho vào quỹ ngân sách nhà nước với mục đích nắm bắt bắt đồng thời thống kê về các doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã, hộ kinh doanh,...

- **Lệ phí trước bạ:** Đây là loại phí áp dụng cho trường hợp thực hiện sang tên, đăng ký quyền sở hữu, chuyển nhượng về đất, xe cộ, hoặc tài sản nào đó và mức thu này dựa trên giá trị của tài sản được quy định.

1.2. Cơ sở lý luận về thuế giá trị gia tăng

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế giá trị gia tăng

1.2.1.1. Khái niệm thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng còn được gọi với một cái tên khác là VAT (Value – Added Tax).

Căn cứ theo điều 2, Luật số 13/2008/QH12 về Luật thuế giá trị gia tăng “Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng”.

1.2.1.2. Đặc điểm của thuế giá trị gia tăng

- **Là thuế gián thu:** Thuế GTGT do người tiêu dùng cuối cùng chịu. Cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ là người nộp thuế vào ngân sách nhà nước thay cho người tiêu dùng thông qua việc cộng thuế vào giá bán mà người tiêu dùng phải thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ.

- **Là thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn không trùng lặp:** Thuế GTGT đánh vào tất cả các giai đoạn luân chuyển từ sản xuất tới lưu thông. Từng giai đoạn, thuế chỉ tính trên phần giá trị của giai đoạn đó, không tính trùng phần GTGT đã tính thuế ở các giai đoạn luân chuyển trước.

- **Được đánh thuế theo nguyên tắc điểm đến:** Thuế GTGT đánh vào hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng nội địa, bất kể hàng hóa dịch vụ đó được tạo ra trong hay ngoài nước.

- Thuế GTGT được kê khai và nộp theo từng tháng hoặc từng quý từ đó cung cấp nguồn thu nhanh cho Ngân sách Nhà nước.

1.2.1.3. Vai trò của thuế giá trị gia tăng

- Tạo một nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho Ngân sách Nhà nước.

- Đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thị trường quốc tế vì hàng xuất khẩu không những không phải nộp thuế GTGT mà còn được khấu trừ hoặc hoàn lại số thuế GTGT đầu vào giúp làm giảm chi phí.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống nhất thu thuế hiệu quả.

- Khuyến khích chuyên môn hóa, hiện đại hóa sản xuất.

- Dễ dàng quản lý, điều tiết thu nhập của các tổ chức, cá nhân tiêu dùng hàng hóa,

dịch vụ chịu thuế GTGT.

1.2.2. Hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành quy định về thuế giá trị gia tăng

Luật	1. Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12. 2. Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. 3. Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về Thuế. 4. Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý Thuế. 5. Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15.
Nghị định	1. Nghị định số 209/2013/NĐ-CP 2. Nghị định số 91/2014/NĐ-CP 3. Nghị định số 12/2015/NĐ-CP 4. Nghị định số 100/2016/NĐ-CP 5. Nghị định số 146/2017/NĐ-CP 6. Nghị định số 119/2018/NĐ-CP 7. Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 8. Nghị định số 52/2021/NĐ-CP 9. Nghị định số 92/2021/NĐ-CP 10. Nghị định số 181/2025/NĐ-CP 11. Nghị định số 359/2025/NĐ-CP 12. Nghị định số 144/2026/NĐ-CP
Thông tư	1. Thông tư 141/2013/TT-BTC 2. Thông tư 156/2013/TT-BTC 3. Thông tư 219/2013/TT-BTC 4. Thông tư 39/2014/TT-BTC 5. Thông tư 72/2014/TT-BTC 6. Thông tư 119/2014/TT-BTC 7. Thông tư 151/2014/TT-BTC 8. Thông tư 92/2015/TT-BTC 9. Thông tư 26/2015/TT-BTC 10. Thông tư 193/2015/TT-BTC 11. Thông tư 21/2016/TT-BTC 12. Thông tư 130/2016/TT-BTC

	13. Thông tư 173/2016/TT-BTC 14. Thông tư 93/2017/TT-BTC 15. Thông tư 25/2018/TT-BTC 16. Thông tư 82/2018/TT-BTC 17. Thông tư 18/2019/TT-BTC 18. Thông tư 92/2019/TT-BTC 19. Thông tư 43/2021/TT-BTC 20. Thông tư 40/2021/TT-BTC 21. Thông tư 100/2021/TT-BTC 22. Thông tư 69/2025/TT-BTC 23. Thông tư 32/2026/TT-BTC
Văn bản hợp nhất	1. Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BTC 2. Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BTC 3. Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTC 4. Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BTC 5. Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BTC 6. Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BTC 7. Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BTC 8. Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BTC 9. Văn bản hợp nhất số 67/VBHN-BTC

1.2.3. Đối tượng chịu thuế, nộp thuế và đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng

1.2.3.1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng

Căn cứ theo Điều 3 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH14 quy định: “Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 5 của luật này”.

1.2.3.2. Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng

Căn cứ theo Điều 4 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 quy định: “Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT”.

1.2.3.3. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng

Căn cứ theo Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

- Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa qua

chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Trong đó:

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế bán sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác ở khâu kinh doanh thương mại thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế bán sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho các đối tượng như hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải tính thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 5%.

Hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp khi bán sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường ở khâu kinh doanh thương mại thì tính thuế giá trị gia tăng phải nộp theo doanh thu bằng 1% (tỷ lệ %) nhân với doanh thu.”

- Sản phẩm giống vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, vật liệu nhân giống cây trồng theo quy định của pháp luật về trồng trọt.

- Thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi; thức ăn thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản.

- Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối iốt mà thành phần chính là Na-tri-clo-rua (NaCl).

- Nhà ở thuộc tài sản công do Nhà nước bán cho người đang thuê.

- Tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

- Chuyển quyền sử dụng đất.

- Bảo hiểm nhân thọ, sức khỏe, người học, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; vật nuôi, cây trồng, nông nghiệp khác;...

- Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán, thương mại sau đây:

Dịch vụ cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và các khoản phí được nêu cụ thể tại Hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài.

- Các dịch vụ y tế, dịch vụ thú y.

- Dịch vụ tang lễ.

- Hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo.

- Hoạt động dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.

- Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin, đặc sản, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách phục vụ thông tin đối ngoại, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; tiền, in tiền.

- Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện, phương tiện thủy nội địa.

- Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, dầu khí, hoặc làm tài sản cố định cho doanh nghiệp.

- Sản phẩm quốc phòng, an ninh theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành; sản phẩm, dịch vụ nhập khẩu phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại. Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam.

- Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau. Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài của công ty cho thuê tài chính được vận chuyển thẳng vào khu phi thuế quan để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính.

- Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.

- Vàng dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức

hay sản phẩm khác ở khâu nhập khẩu.

- Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác theo Danh mục do Chính phủ quy định phù hợp với định hướng của nhà nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các tài nguyên, khoáng sản thô.

- Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh, bao gồm cả sản phẩm là bộ phận cấy ghép lâu dài trong cơ thể người; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người khuyết tật.

- Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu hằng năm từ 200 triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các khoản thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

- Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp sau đây: Quà tặng, quà biếu trong định mức, hành lý miễn thuế, đồ dùng ngoại giao, hàng cứu trợ thiên tai, hàng trao đổi của cư dân biên giới, di vật – cổ vật – bảo vật quốc gia.

- Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều này không được khấu trừ, không được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào, trừ trường hợp được áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật này.

1.2.4. Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng

Căn cứ theo Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT.

Thuế giá trị gia tăng	=	Giá tính thuế	x	Thuế suất thuế GTGT
-----------------------	---	---------------	---	---------------------

- **Giá tính thuế:**

Giá tính thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT là giá bán chưa có thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ đó, căn cứ Điều 5,6,7,8,9,10,11,12,13 Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định như sau:

- Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị

gia tăng.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng với thuế bảo vệ môi trường (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến khích giá tính thuế được xác định bằng không.
- Đối với hoạt động thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế GTGT.
- Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT của hàng hóa đó, không bao gồm khoản trả góp, lãi trả chậm.
- Đối với gia công hàng hóa là giá gia công theo hợp đồng gia công chưa có thuế GTGT.
- Đối với xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế GTGT.
- Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã trả thưởng cho khách.
- Hoạt động đại lý, môi giới là tiền hoa hồng được thu từ các hoạt động này chưa có thuế GTGT.
- Đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng hóa đơn thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau:

$\text{Giá chưa có thuế giá trị gia tăng} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \text{thuế suất của hàng hóa, dịch vụ (\%)}}$
--

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ theo Mục 3 Nghị định 181/2025/QH15 quy định mức thuế suất như sau:

- Mức thuế suất 0%:

- + Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế.
- + Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở nước ngoài hoặc thông qua đại lý.
- + Hoạt động xây dựng, xây lắp công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan.
- + Hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0%.

- Mức thuế suất 5%:

- + Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
- + Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.
- + Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.
- + Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng, sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.
- + Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định.
- + Mủ cao su sơ chế, nhựa thông sơ chế, lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá.
- + Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến trừ gỗ, măng và sản phẩm quy định.
- + Đường, phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn.
- + Sản phẩm bằng đay, cói, tre... và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế; giấy in báo.
- + Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.
- + Thiết bị, dụng cụ y tế; sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh.
- + Dụng cụ dùng để giảng dạy và học tập.
- + Hoạt động văn hóa, triển lãm – đồ chơi cho trẻ em, sách các loại, trừ sách quy định.
- + Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật khoa học và công nghệ. Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật nhà ở.

- Mức thuế suất 10%:

Áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ thông thường không nằm trong diện không chịu thuế GTGT, thuế suất 0%, thuế suất 5%.

Ngày 28/1/2022 Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Chính sách giảm 2% trên thuế suất 10% liên tục được áp dụng cho tới nay thông qua các nghị quyết:

- Nghị quyết số 43/2022/QH15 từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022.
- Nghị quyết số 101/2023/QH15 từ ngày 01/07/2023 đến hết ngày 31/12/2023.
- Nghị quyết số 110/2023/QH15 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.
- Nghị quyết số 142/2024/QH15 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2024.
- Nghị quyết số 174/2024/QH15 từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/06/2025.
- Nghị quyết số 204/2025/QH15 từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2026.

Áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% còn 8%, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng).

1.2.5. Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng

1.2.5.1. Tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

- Cách tính thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

Căn cứ theo Điều 22 Nghị định 181/2025/QH15 quy định phương pháp tính trực tiếp trên GTGT đối với hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý như sau:

Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT	=	Giá trị gia tăng của vàng bạc, đá quý	X	Thuế suất thuế GTGT
--	---	---------------------------------------	---	---------------------

Trong đó:

GTGT của vàng bạc, đá quý	=	Giá thanh toán của vàng bạc, đá quý bán ra	-	Giá thanh toán của vàng bạc, đá quý mua vào tương ứng
---------------------------	---	--	---	---

- Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán vàng, bạc, đá quý, bao gồm cả tiền công chế tác (nếu có), thuế giá trị gia tăng và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng.

- Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào được xác định bằng giá trị vàng, bạc, đá quý mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý bán ra tương ứng.

Trường hợp trong kỳ tính thuế phát sinh giá trị gia tăng âm (-) của vàng, bạc, đá quý thì được tính bù trừ vào giá trị gia tăng dương (+) của vàng, bạc, đá quý. Trường hợp không có phát sinh giá trị gia tăng dương (+) hoặc giá trị gia tăng dương (+) không đủ bù trừ giá trị gia tăng âm (-) thì được kết chuyển để trừ vào giá trị gia tăng của kỳ sau trong năm. Kết thúc năm dương lịch, giá trị gia tăng âm (-) không được kết chuyển tiếp sang năm sau.

- Cách tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu:

Số thuế GTGT phải nộp	=	Doanh thu	x	Tỷ lệ %
-----------------------	---	-----------	---	---------

Cách xác định doanh thu:

- Doanh thu để tính thuế GTGT là tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ thực tế ghi trên hóa đơn bán hàng đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT bao gồm các khoản phụ thu, phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

Trường hợp cơ sở kinh doanh có doanh thu bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuộc đối

tượng không chịu thuế GTGT và doanh thu hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thì không áp dụng tỷ lệ (%) trên doanh thu đối với doanh thu này.

- Cơ sở kinh doanh nhiều ngành nghề có mức tỷ lệ khác nhau thì phải khai thuế GTGT theo từng nhóm ngành nghề tương ứng với các mức tỷ lệ theo quy định; trường hợp người nộp thuế không xác định được doanh thu theo từng nhóm ngành nghề hoặc một hợp đồng kinh doanh trọn gói bao gồm các hoạt động tại nhiều nhóm tỷ lệ khác nhau mà không tách được thì sẽ áp dụng mức tỷ lệ cao nhất của nhóm ngành nghề mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu được quy định theo từng hoạt động:

+ Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%.

+ Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%.

+ Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%.

+ Hoạt động kinh doanh khác: 2%.

- Doanh thu để tính thuế GTGT là tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ thực tế ghi trên hóa đơn bán hàng đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT bao gồm các khoản phụ thu, phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh có doanh thu bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và doanh thu hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thì không áp dụng tỷ lệ (%) trên doanh thu đối với doanh thu này.

- Đối tượng áp dụng:

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

+ Hộ, cá nhân kinh doanh.

+ Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, trừ các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí.

+ Tổ chức kinh tế khác không phải là doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ trường hợp đăng ký thuế theo phương pháp khấu trừ.

1.2.5.2. Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Căn cứ theo Điều 21 Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định đối tượng áp dụng: Cơ

sở kinh doanh có doanh thu hàng năm từ 01 tỷ đồng trở lên trừ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh; cơ sở kinh doanh tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính khấu trừ được xác định như sau:

Thuế GTGT phải nộp	=	Thuế GTGT đầu ra	-	Thuế GTGT đầu vào đủ điều kiện được khấu trừ
--------------------	---	------------------	---	--

Trong đó:

Căn cứ theo Điều 20 Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định:

- Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ bán ra ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng.
- Thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó.

Trường hợp sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT thì thuế GTGT đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ (-) giá tính thuế quy định tại Khoản 12 Điều 9 Nghị định này.

• **Nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào:**

Căn cứ theo Mục 1 Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định về nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:

- Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh, cho, biếu, tặng, khuyến mại, quảng cáo chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào tổn thất không được bồi thường.
- Không khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa dịch vụ dùng để sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng.
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào mua, đi thuê hoặc các hoạt động khác liên quan phải tính vào nguyên giá hoặc chi phí được trừ và không được khấu trừ.
- Thuế hàng hóa dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ đầu vào, ngoại trừ đối với hoạt động viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại, hoạt động liên quan đến chuẩn bị cho khai thác dầu khí, thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ.
- Tiền thuế giá trị gia tăng đã nộp theo quyết định của cơ quan hải quan được khấu trừ trừ trường hợp bị cơ quan hải quan xử phạt. Đối với giá trị hàng hóa dịch vụ mua vào mỗi lần từ 05 triệu trở lên, phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Nếu không đáp ứng điều kiện trên, đơn vị thực hiện hạch toán tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ vào nguyên giá của tài sản cố định hoặc chi phí tính thuế TNDN.
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào được kê khai, khấu trừ trong kỳ phát sinh. Đơn vị kê khai khấu trừ bổ sung trước khi có quyết định thanh kiểm tra thuế nếu có sai sót khi

kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

- Chủ thể không kinh doanh góp vốn bằng tài sản mới chưa sử dụng, có hóa đơn hợp pháp vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, nếu được hội đồng giao nhận vốn góp thông qua thì công ty nhận tài sản được kê khai và khấu trừ thuế giá trị gia tăng theo hóa đơn mua tài sản.

- Trong quá trình sản xuất khép kín, đơn vị sử dụng sản phẩm không chịu thuế giá trị gia tăng để sản xuất thành phẩm chịu thuế thì thuế giá trị gia tăng đầu vào ở các khâu được khấu trừ.

- Đơn vị chuyển phương pháp tính thuế giá trị gia tăng trực tiếp sang khấu trừ, giá trị thuế giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ mua vào bắt đầu được kê khai khấu trừ kể từ kỳ đầu tiên chuyển phương pháp. Đơn vị chuyển phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng sang phương pháp tính trực tiếp, số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết (ngoại trừ số thuế đã được hoàn) được hạch toán vào chi phí được trừ.

- Các đối tượng không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng như đơn vị hành chính sự nghiệp, văn phòng công ty không trực tiếp hoạt động kinh doanh thì không được phép khấu trừ thuế giá trị gia tăng hay hoàn thuế giá trị gia tăng. Nếu phát sinh sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng, các đơn vị này phải đăng ký, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng riêng cho hoạt động sản xuất kinh doanh đó.

- Trường hợp hoá đơn không mang tên công ty nhưng được khấu trừ đầu vào nếu hóa đơn mang tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền như: chi phí sửa chữa tài sản mà hoá đơn giá trị gia tăng có ghi tên người tham gia bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm uỷ quyền cho người tham gia bảo hiểm sửa chữa tài sản; chi phí liên quan đến thành lập doanh nghiệp, mua bán hàng hoá vật tư của các cá nhân được doanh nghiệp uỷ quyền trước khi thành lập doanh nghiệp.

- Đơn vị không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hóa đơn có các dấu hiệu: hóa đơn không đúng quy định pháp luật; hóa đơn không ghi hoặc ghi sai tên, mã số thuế, địa chỉ người bán và người mua; hóa đơn không, giả, bị tẩy xóa; hóa đơn ghi sai giá trị mua bán thực tế.

- **Điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào:**

Căn cứ theo Mục 2 Nghị định 181/2025/NĐ-CP điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ bao gồm:

- Hóa đơn, chứng từ nộp thuế: Cơ sở kinh doanh phải có hóa đơn GTGT của hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế thay cho phía nước ngoài.

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt: Cơ sở kinh doanh phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng nhập

khẩu) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế GTGT.

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt khác:

+ Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức thanh toán bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra, vay mượn hàng mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có: Biên bản đối chiếu số liệu và xác nhận giữa hai bên về việc thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ mua vào với hàng hóa, dịch vụ bán ra, vay mượn hàng. Trường hợp bù trừ công nợ qua bên thứ ba phải có biên bản bù trừ công nợ của 03 bên làm căn cứ khấu trừ thuế.

+ Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ công nợ như: Vay, mượn tiền; cân trừ công nợ qua người thứ ba mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có: Hợp đồng vay, mượn tiền dưới hình thức văn bản được lập trước đó; Chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của bên cho vay sang tài khoản của bên đi vay đối với khoản vay bằng tiền.

+ Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được thanh toán uỷ quyền qua bên thứ ba thanh toán qua ngân hàng thì việc thanh toán theo uỷ quyền hoặc thanh toán cho bên thứ ba theo chỉ định của bên bán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng dưới hình thức văn bản và bên thứ ba là một pháp nhân hoặc thể nhân đang hoạt động theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp sau khi thực hiện các hình thức thanh toán nêu trên mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

+ Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được thanh toán qua ngân hàng vào tài khoản của bên thứ ba mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thì cũng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

+ Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Nhà cung cấp là người nộp thuế có mã số thuế, trực tiếp khai và nộp thuế giá trị gia tăng.

+ Trường hợp người nộp thuế là cơ sở kinh doanh có các cửa hàng là các đơn vị phụ thuộc sử dụng chung mã số thuế và mẫu hóa đơn của cơ sở kinh doanh, trên hoá đơn có tiêu thức “Cửa hàng số” để phân biệt các cửa hàng của cơ sở kinh doanh và có đóng dấu treo của

1.2.6. Thủ tục kê khai, lập, nộp và hoàn thuế giá trị gia tăng

1.2.6.1. Thủ tục kê khai

Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT có trách nhiệm lập và nộp tờ khai thuế GTGT theo tháng hoặc theo quý.

- Kỳ kê khai: Theo tháng hoặc theo quý.
- Kê khai thuế GTGT theo tháng: Áp dụng đối với những doanh thu có tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề trên 50 tỷ. Thời hạn nộp tờ khai và tiền thuế GTGT (nếu có) theo tháng: chậm nhất là ngày 20 của tháng sau.
- Kê khai thuế GTGT theo quý:
 - + Khai thuế GTGT theo quý áp dụng cho những doanh nghiệp có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống.
 - + Những doanh nghiệp mới thành lập thực hiện kê khai thuế GTGT theo quý.
 - + Trường hợp người nộp thuế đủ điều kiện và thuộc đối tượng khai thuế GTGT theo quý muốn chuyển sang khai thuế theo tháng thì gửi thông báo (theo mẫu 07/GTGT) cho cơ quan quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 31/1 của năm bắt đầu khai theo quý. Nếu sau thời hạn này người nộp thuế không gửi văn bản đến cơ quan thuế thì người nộp thuế tiếp tục thực hiện khai thuế theo tháng ổn định trọn năm dương lịch. Thời hạn nộp tờ khai và tiền thuế GTGT (nếu có) theo quý: chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau.

1.2.6.2. Lập và nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng

Tờ khai thuế GTGT trên phần mềm hỗ trợ kê khai HTKK do BTC ban hành gồm có:

- Mẫu số (01/GTGT) (TT 80/2021): Áp dụng cho phương pháp khấu trừ thuế.
- Mẫu số (02/GTGT) (TT 80/2021): Áp dụng cho dự án đầu tư.
- Mẫu số (03/GTGT) (TT 80/2021): Áp dụng cho đối tượng nộp thuế chế tác vàng, bạc, đá quý.
- Mẫu số (04/GTGT) (TT 80/2021): Áp dụng cho phương pháp trực tiếp.

1.2.6.2.1. Lập tờ khai thuế GTGT mẫu số (01/GTGT)(TT80/2021)

Các bước lập tờ khai:

- Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống hỗ trợ kê khai thuế HTKK, nhập mã số thuế của công ty cần kê khai.
- Bước 2: Chọn thuế GTGT, chọn mẫu tờ khai “TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (01/GTGT)(TT80/2021)”.
- Bước 3: Chọn kỳ tính thuế, chọn tờ khai lần đầu, phụ lục giảm thuế PL 204/2025/QH15 (nếu có) sau đó nhấn đồng ý.
- Bước 4: Kê khai các chỉ tiêu trong tờ khai và kết xuất ra file XML.

1.2.6.2.2. Nộp tờ khai thuế GTGT

Nộp tờ khai thuế trên trang thuế điện tử: <https://dichvucong.gdt.gov.vn>.

- Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.
- Bước 2: Tải tờ khai thuế đã kết xuất XML lên hệ thống.
- Bước 3: Ký điện tử và nộp tờ khai.
- Bước 4: Kiểm tra việc tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử đã gửi xem việc nộp tờ khai qua mạng đã được cơ quan thuế chấp nhận hay chưa.

1.2.6.3. Hoàn thuế giá trị gia tăng

1.2.6.3.1. Điều kiện hoàn thuế giá trị gia tăng

Căn cứ theo Điều 37 Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định về điều kiện hoàn thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cơ sở kinh doanh phải là cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, lập và lưu giữ sổ kế toán, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng theo mã số thuế của cơ sở kinh doanh.
- Đáp ứng quy định về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định tại Mục 2 Chương III và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 15 Điều 23 Nghị định này.
- Người bán đã kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định đối với hóa đơn đã xuất cho cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế.
- Tại thời điểm cơ sở kinh doanh nộp hồ sơ hoàn thuế, cơ sở kinh doanh thuộc trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào đáp ứng đầy đủ điều kiện hoàn thuế theo quy định tại Mục này và tuân thủ các quy định về khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, lập hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng đối với từng trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng và gửi đến cơ quan thuế có thẩm quyền tiếp nhận. Cơ quan thuế phân loại hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng thuộc diện hoàn thuế trước hoặc kiểm tra trước hoàn thuế và giải quyết hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

1.2.6.3.2. Các trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng

- Các trường hợp hoàn thuế được quy định tại 3 văn bản pháp luật sau:
 - Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016.
 - Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018.
 - Khoản 1 Điều 60 và Điều 70 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019.
- Các trường hợp được hoàn thuế GTGT bao gồm:
 - Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
 - Liên quan đến cơ sở kinh doanh thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án dầu khí.
 - Liên quan đến dự án đầu tư: Cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư ở cùng tỉnh thành hoặc khác tỉnh thành.

- Liên quan tới hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.
- Liên quan tới trường hợp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sát nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hợp đồng.
- Liên quan tới các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.
- Trường hợp được ưu đãi miễn trừ ngoại giao.
- Trường hợp mang hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.
- Trường hợp khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
- Trường hợp người nộp thuế có số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước lớn hơn số phải nộp.

1.2.7. Kế toán thuế giá trị gia tăng

1.2.7.1. Chứng từ, sổ sách kế toán

- Chứng từ kế toán

Đối với các đơn vị kinh doanh áp dụng kê khai và nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, chứng từ kế toán gồm có:

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào (BKMV-01-1/GTGT).
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra (BKBR-01-2/GTGT).
- Biên bản bàn giao, biên bản ghi nhận.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có, sao kê của ngân hàng.
- Tờ khai thuế GTGT mẫu số (01/GTGT) (TT 80/2021).
- Phụ lục giảm thuế GTGT (PL202/2025/QH15).

- Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết TK 1331, 33311, 33312.
- Sổ cái TK 133, 333.

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán thuế giá trị gia tăng sử dụng tài khoản được ban hành theo TT133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính như sau:

1.2.7.1. Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

- Tài khoản 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Tài khoản 1332 – Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định: Phản ánh thuế GTGT đầu vào của quá trình đầu tư, mua sắm tài sản cố định dùng vào hoạt động sản

xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế, của quá trình mua sắm bất động sản đầu tư.

Nợ	TK 133	Có
SDĐK: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ, số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng NSNN chưa hoàn trả.		
- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh tăng trong kỳ.		- Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ; - Kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ; - Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại, được giảm giá; - Số thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại.
SDCK: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ, số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng NSNN chưa hoàn trả.		

1.2.7.2. Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

- Tài khoản 3331 – Thuế GTGT phải nộp.

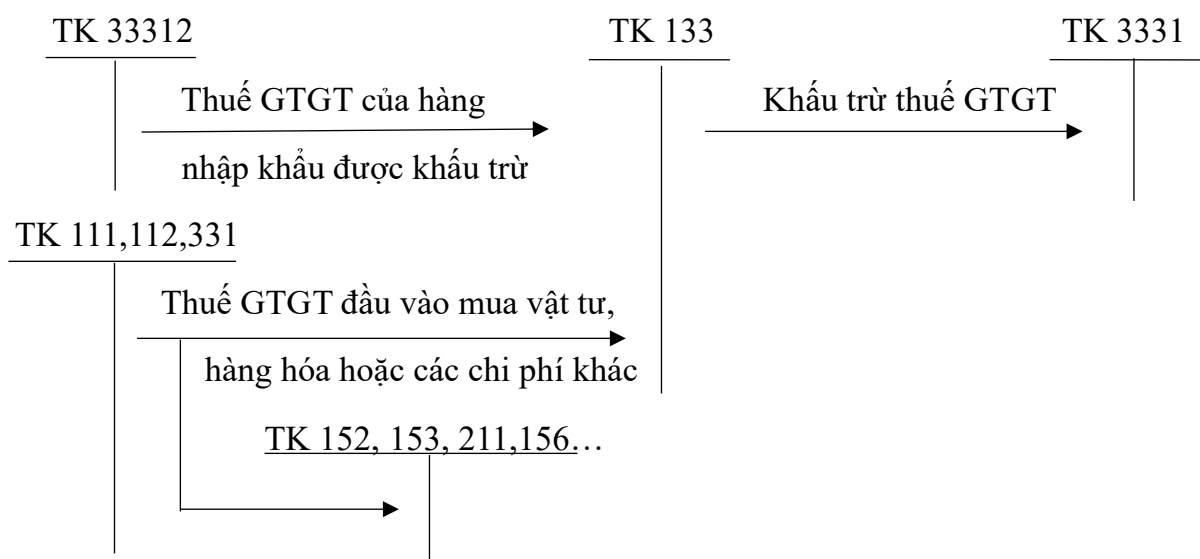
+ Tài khoản 33311 – Thuế GTGT đầu ra: Phản ánh thuế GTGT đầu ra phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

+ Tài khoản 33312 – Thuế GTGT hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Nợ	TK 3331	Có
		SDĐK: số thuế GTGT phải nộp đầu kỳ.
- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ. - Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.		- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.
SDCK: Số thuế GTGT đã nộp thừa vào ngân sách nhà nước.		SDCK: Số thuế GTGT còn phải nộp cuối kỳ.

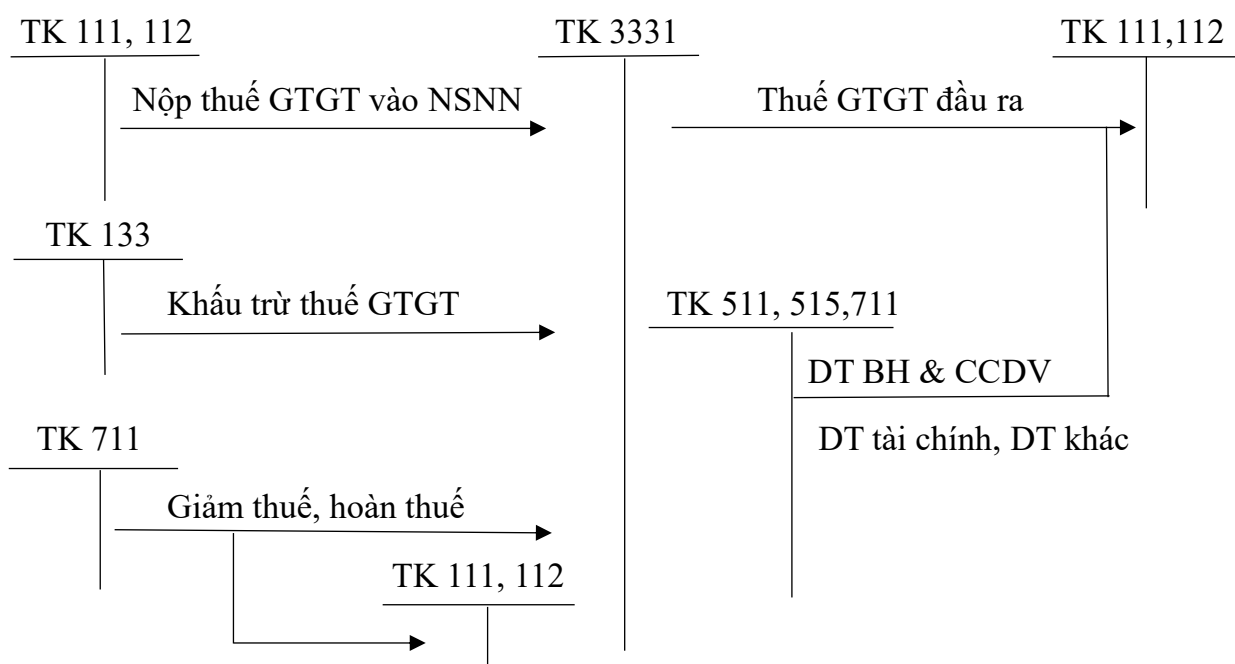
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán

1.2.7.3.1. Hạch toán thuế giá trị gia tăng đầu vào

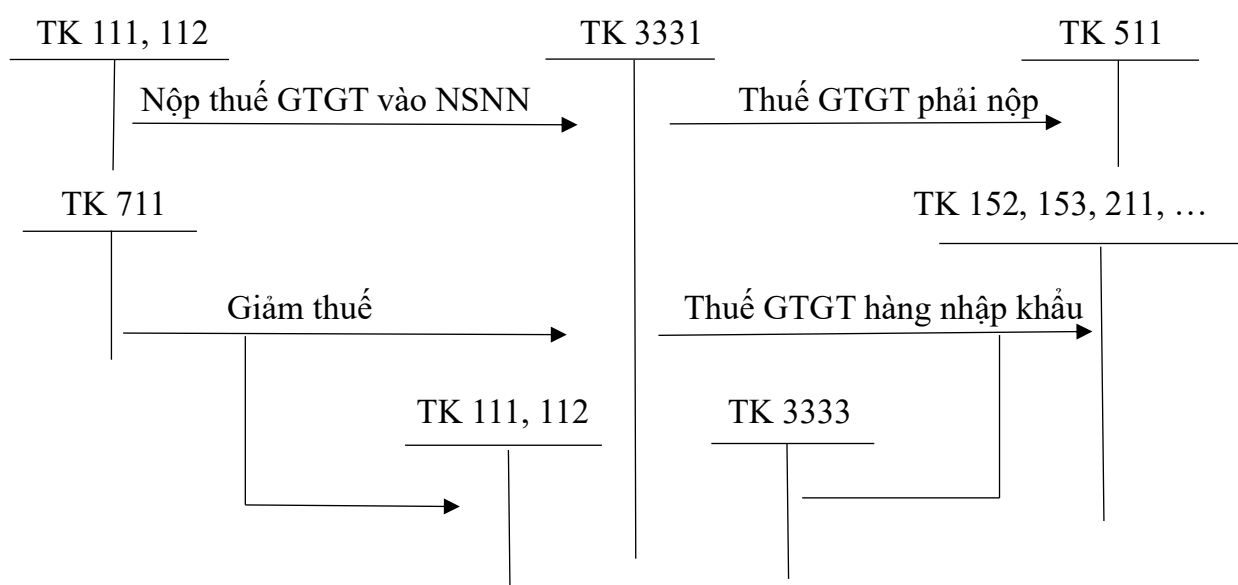


Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào theo phương pháp khấu trừ.

1.2.7.3.2. Hạch toán thuế giá trị gia tăng đầu ra



Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra theo phương pháp khấu trừ.



Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra theo phương pháp trực tiếp

1.3. Cơ sở lý luận về thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.1.1. Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp

Hiện nay, chưa có văn bản nào được ban hành chính thức định nghĩa về loại thuế này.. Đứng trên các góc độ khác nhau thì mỗi nhà kinh tế học có những định nghĩa về thuế TNDN khác nhau. Tuy nhiên, dựa trên những quy định như luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định, thông tư hướng dẫn thi hành thì có thể hiểu thuế TNDN như sau: Thuế TNDN là một loại thuế trực thu đánh vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh trong kỳ.

1.3.1.2. Đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế TNDN là một loại thuế trực thu, đánh vào thu nhập chịu thuế trong kỳ của các doanh nghiệp. Tính chất trực thu của loại thuế này được biểu hiện ở sự đồng nhất giữa đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế.
- Thuế TNDN đánh vào thu nhập chịu thuế của các cơ sở kinh doanh, mức động viên vào ngân sách nhà nước, đảm bảo sự đóng góp công bằng, hợp lý giữa các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa phát sinh thu nhập. Đồng thời kích thích khả năng tăng trưởng nền kinh tế, nhà nước sử dụng nguồn thu đó để cấp phát cho thành phần kinh tế nhà nước, các ngành nghề quan trọng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hoàn thiện môi trường đầu tư, đảm bảo nền kinh tế phát triển ổn định.

1.3.1.3. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế TNDN góp phần làm đảm bảo ngân sách nhà nước.

- Thuế TNDN được đánh giá là công cụ quản lý và điều tiết nền kinh tế nước nhà hiệu quả.
- Đảm bảo được tính công bằng của xã hội thông qua nghĩa vụ thuế.
- Thuế TNDN còn là công cụ đánh giá mức độ hiệu quả hoạt động kinh doanh của đối tượng nộp thuế.
- Tác động mạnh mẽ đến sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế.

1.3.2. Hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp

Luật	1. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 2. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 3. Nghị quyết số 116/2020/QH14 4. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15
Nghị Định	1. Nghị định số 124/2008/NĐ-CP 2. Nghị định số 122/2011/NĐ-CP 3. Nghị định số 92/2013/NĐ-CP 4. Nghị định số 218/2013/NĐ-CP 5. Nghị định số 91/2014/NĐ-CP 6. Nghị định số 12/2015/NĐ-CP 7. Nghị định số 20/2017/NĐ-CP 8. Nghị định số 41/2020/NĐ-CP 9. Nghị định số 68/2020/NĐ-CP 10. Nghị định số 114/2020/ND-CP 11. Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 12. Nghị định số 57/2021/NĐ-CP 13. Nghị định số 320/2025/NĐ-CP 14. Nghị định số 141/2026/NĐ-CP
Thông tư	1. Thông tư 78/2014/TT-BTC 2. Thông tư 119/2014/TT-BTC 3. Thông tư 151/2014/TT-BTC 4. Thông tư số 96/2015/TT-BTC 5. Thông tư 130/2016/TT-BTC 6. Thông tư 25/2018/TT-BTC 7. Thông tư 20/2026/TT-BTC
Văn bản hợp nhất	1. Văn bản hợp nhất 10/VBHN-BTC

1.3.3. Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ theo Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 320/2025/NĐ-CP quy

định đối tượng nộp thuế TNDN như sau:

- Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Chứng khoán, Luật Dầu khí, Luật Thương mại, Điều ước quốc tế và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác;
- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam.
- Các đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã;
- Tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Tổ chức khác ngoài tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 3 của Nghị định này;
- Tổ chức được thành lập và hoạt động (hoặc đăng ký hoạt động) theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, doanh nghiệp nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

1.3.4. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.4.1. Thu nhập tính thuế

Căn cứ theo Điều 7 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 quy định thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right)$$

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế bao gồm phần thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác. Thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \left(\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} \right) + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

1.3.4.1.1. Doanh thu chịu thuế

Căn cứ theo Điều 8 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 quy định: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung

ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

1.3.4.1.2. Các khoản chi không được trừ và được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ theo Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 quy định:

- **Các khoản chi không được trừ:**

- Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính.
- Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác.
- Phần chi vượt mức do Chính phủ quy định.
- Phần trích lập không đúng hoặc vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng.
- Khoản trích khấu hao tài sản cố định không đúng hoặc vượt mức quy định của pháp luật.
- Khoản trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật.
- Tiền lương, tiền công nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- Phần chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu; lãi tiền vay trong quá trình đầu tư đã được ghi nhận vào giá trị đầu tư; lãi vay để triển khai thực hiện các hợp đồng tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí; phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng vượt mức theo quy định của Bộ luật Dân sự.
- Phần chi phí được phép thu hồi vượt quá tỷ lệ quy định tại hợp đồng dầu khí được duyệt; trường hợp hợp đồng dầu khí không quy định về tỷ lệ thu hồi chi phí thì phần chi phí vượt trên mức do Chính phủ quy định không được tính vào chi phí được trừ;
- Phần thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ; thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp khấu trừ.
- Khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế.
- Khoản tài trợ.
- Chi về đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định; chi liên quan trực tiếp đến việc tăng, giảm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.
- Các khoản chi của hoạt động kinh doanh: ngân hàng, bảo hiểm, xổ số, chứng khoán, hợp đồng BT, BOT, BTO không đúng hoặc vượt mức quy định của pháp luật.

- **Các khoản chi được trừ**

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi

phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp.

- Các khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ.

1.3.4.1.3. Thu nhập miễn thuế

Căn cứ theo Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và nghị định 141/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định thu nhập được miễn thuế như sau:

- Thu nhập từ hoạt động đánh bắt hải sản; thu nhập của doanh nghiệp từ sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Thu nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

- Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới, sản xuất thử nghiệm có kiểm soát lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam. Thu nhập tại khoản này được miễn thuế tối đa không quá 03 năm.

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có từ 30% số lao động bình quân trong năm trở lên là người khuyết tật, người sau cai nghiện ma túy, người nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) và có số lao động bình quân trong năm từ 20 người trở lên, không bao gồm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh bất động sản.

- Thu nhập từ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, đối tượng tệ nạn xã hội.

- Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật này, kể cả trường hợp bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, bên liên doanh, liên kết được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam; khoản tài trợ nhận được từ doanh nghiệp không có quan hệ liên kết, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước và từ Quỹ hỗ trợ đầu

tư do Chính phủ thành lập; khoản bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật để cổ phần hóa, sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành.

- Thu nhập (bao gồm cả lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu Chính phủ, lãi tín phiếu kho bạc) từ thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao.

- Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó đáp ứng tỷ lệ tối thiểu do Chính phủ quy định; phần thu nhập hình thành quỹ chung không chia, tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về hợp tác xã.

- Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao công nghệ cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

- Thu nhập của doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có tổng doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống.

1.3.4.1.4. Chuyển lỗ

Doanh nghiệp có lỗ được chuyển lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập chịu thuế.

Doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng dự án thăm dò, khai thác khoáng sản; chuyển nhượng quyền tham gia dự án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập chịu thuế của hoạt động đó.

Thời gian được chuyển lỗ tính liên tục không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.

1.3.4.2. Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, trừ trường hợp sau:

- Thuế suất 15%: Áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

- Thuế suất 17%: Áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 15% và 17% là tổng doanh thu của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp trước liền kề. Việc xác định tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Trường hợp doanh nghiệp có thời gian hoạt động của kỳ tính thuế năm trước liền kề dưới 12 tháng thì tổng doanh thu kỳ tính thuế năm trước liền kề được xác định bằng tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế đó chia cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế nhân với 12 tháng.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế và dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế không quá 03 tỷ đồng hoặc không quá 50 tỷ đồng thì doanh nghiệp xác định tạm nộp hàng quý tương ứng theo mức thuế suất 15% hoặc 17%. Kết thúc kỳ tính thuế, trường hợp tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế như dự kiến thì doanh nghiệp thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNDN theo quy định. Trường hợp tổng doanh thu thực tế không đáp ứng điều kiện để hưởng mức thuế suất tương ứng như dự kiến dẫn đến nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp theo quy định thì doanh nghiệp nộp bổ sung số tiền thuế còn thiếu và tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Thuế suất từ 25% - 50%: Đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí. Căn cứ vào vị trí, điều kiện khai thác và trữ lượng mỏ, Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thuế suất cụ thể phù hợp với từng hợp đồng dầu khí.

- Thuế suất 50%: Đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm. Trường hợp các mỏ có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuế suất là 40%.

1.3.5. Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi

1.3.5.1. Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.5.1.1. Đối với doanh nghiệp kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Theo Khoản 5 Điều 3 Thông tư 78/2014/TT-BTC có 2 cách tính thuế TNDN.

- Doanh nghiệp xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỉ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ cụ thể như sau:

- + Đối với dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): 5%.
- + Đối với hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật: 2%.
- + Đối với kinh doanh hàng hóa: 1%.
- + Đối với hoạt động khác: 2%.

Doanh nghiệp xác định được doanh thu, chi phí, thu thập của hoạt động kinh doanh thì được lựa chọn kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỉ lệ % trên thu nhập chịu thuế (giống doanh nghiệp kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

1.3.5.1.2. Đối với doanh nghiệp kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Theo Điều 1 Thông tư 96/2015/TT-BTC (sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 3 Thông tư 78/2014/TT-BTC) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính bằng công thức sau:

Thuế TNDN phải nộp	=	$\left[\begin{array}{c} \text{Thu nhập tính} \\ \text{thuế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Phần trích lập quỹ} \\ \text{KHCV (nếu có)} \end{array} \right] \times \begin{array}{c} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế TNDN} \end{array}$
-----------------------	---	---

Trong đó:

- Quy định trích lập quỹ KH & CN:

+ Quỹ có thể tổ chức dưới 2 hình thức là thành lập tổ chức không có tư cách pháp nhân; trực thuộc doanh nghiệp và không thành lập quỹ.

+ Hình thức tổ chức quỹ do cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quyết định.

+ Hằng năm doanh nghiệp phải lập báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng quỹ.

- Mức trích lập quỹ KH & CN:

+ Đối với doanh nghiệp nhà nước: công ty TNHH 2 thành viên trở lên phải đảm bảo tỷ lệ trích lập quỹ tối thiểu theo quy định của Chính phủ từ 3 % đến 10%.

+ Đối với doanh nghiệp khác: công ty TNHH 2 thành viên trở lên ngoài nhà nước được quyền tự quyết định mức trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ hằng năm cho mình từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp một tỷ lệ hợp lý nhưng không quá 10% thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ.

1.3.5.2. Các chính sách ưu đãi thuế TNDN

- Ưu đãi thuế suất 10% trong thời gian 15% áp dụng đối với:

+ Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

+ Thu nhập của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao.

+ Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản) ...

- Ưu đãi thuế suất 10% trong toàn bộ thời gian hoạt động áp dụng đối với:

+ Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường.

+ Thu nhập của cơ quan báo chí từ hoạt động báo in, xuất bản.

+ Thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư

nghiệp, diêm nghiệp không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trừ thu nhập của hợp tác xã quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Điều 53 của Luật Nhà ở 2014.

- Ưu đãi thuế suất 17% trong thời gian 10 năm đối với:

+ Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; phát triển ngành nghề truyền thống.

- Ưu đãi thuế suất 17% trong toàn bộ thời gian động đối với thu nhập quỹ Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.

- Ưu đãi thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi không quá 15 năm đối với:

+ Dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi có thể kéo dài thêm.

+ Đối với dự án đáp ứng một trong các tiêu chí như sau: Sản xuất sản phẩm hàng hóa có khả năng cạnh tranh toàn cầu, doanh thu đạt trên 20.000 tỷ đồng/năm chậm nhất sau năm năm kể từ khi có doanh thu từ dự án đầu tư, sử dụng thường xuyên trên 6.000 lao động hoặc dự án đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng kinh tế kỹ thuật.

- Ưu đãi thuế suất đối với các dự án được hỗ trợ đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư 2020 áp dụng thuế suất ưu đãi giảm không quá 50% so với thuế suất ưu đãi; thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi không quá 1,5 lần so với thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi.

1.3.6. Khai, nộp và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.6.1. Thủ tục kê khai thuế TNDN

Thuế TNDN là loại thuế có kỳ tính thuế năm. Nhưng hằng quý doanh nghiệp phải tạm tính ra số tiền thuế TNDN tạm nộp rồi cuối năm thực hiện tính toán lại xem cả năm đó doanh nghiệp có phải nộp thuế hay không. Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm.

- Nếu số đã tạm nộp 4 quý nhiều hơn khi quyết toán thuế TNDN, có nghĩa là doanh

ng nghiệp nộp thừa tiền thuế, số tiền thuế nộp thừa có thể bù trừ sang kỳ.

- Nếu số tạm nộp 4 quý mà ít hơn khi quyết toán, có nghĩa là doanh nghiệp còn thiếu tiền thuế TNDN, doanh nghiệp cần phải nộp thêm phần tiền thuế thiếu đó (và có thể bị tính tiền chậm nộp nếu chênh lệch từ 20% số quyết toán so với số tạm tính).

Trường hợp doanh nghiệp nộp thuế thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 4 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

- Thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN.

- Thời hạn nộp của tờ khai quyết toán thuế TNDN chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc của năm tài chính hoặc năm dương lịch. Năm tính thuế thông thường là năm dương lịch, trong trường hợp công ty áp dụng năm tính thuế khác năm dương lịch thì phải thông báo với cơ quan thuế địa phương.

- Tùy vào số ngày chậm nộp hồ sơ khai thuế sẽ có những mức phạt tương ứng theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 125/2020/NĐ-CP.

- Từ 01-05 ngày. Mức phạt: cảnh cáo (ĐK: có tình tiết giảm nhẹ)

- Từ 01-30 ngày. Mức phạt: 02-05 triệu đồng (ĐK: không có tình tiết giảm nhẹ).

- Từ 31-60 ngày. Mức phạt: 05-08 triệu đồng.

- Từ 61-90 ngày. Mức phạt: 08-15 triệu đồng.

- Từ 91 ngày trở lên. Mức phạt: 08-15 triệu đồng (ĐK: không phát sinh số thuế phải nộp).

- Từ 90 ngày trở lên. Mức phạt 15-25 triệu đồng (ĐK: có phát sinh số thuế phải nộp).

1.3.6.2. Lập, nộp và quyết toán thuế TNDN

- Mẫu tờ khai quyết toán thuế TNDN là tờ khai quyết toán thuế TNDN (03/TNDN) (TT 80/2021).

- Các phụ lục đi kèm tờ khai quyết toán thuế TNDN (nếu có) gồm có:

+ Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo mẫu số 03-1B/TNDN, mẫu số 03-1A/TNDN, mẫu số 03-1C/TNDN.

+ Phụ lục chuyển lỗ theo mẫu 03-2/TNDN.

+ Phụ lục ưu đãi về thuế TNDN: 03-3B/TNDN, 03-3A/TNDN, 03-3C/TNDN, ...

1.3.6.2.1. Lập tờ khai thuế TNDN

Cách lập tờ khai quyết toán thuế TNDN:

- Bước 1: Chọn mẫu tờ khai phù hợp và điền đủ các thông tin cơ bản. Vào phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTKK, chọn “thuế thu nhập doanh nghiệp”, chọn “tờ khai quyết toán thuế TNDN 03/TNDN (TT80/2021). Chọn kì tính thuế năm, chọn phụ lục: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (03-1A/TNDN), chuyển lỗ từ hoạt động sản xuất

kinh doanh (nếu doanh nghiệp có số lỗ được chuyển từ kì trước) (03-2A/TNDN), phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi (03-3A/TNDN).

- Bước 2: Điền các chỉ tiêu vào phụ lục 03-1A/TNDN. Căn cứ số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc Bảng cân đối số phát sinh tài khoản để lập phụ lục 03-1A/TNDN.

- Bước 3: Lập phụ lục chuyển lỗ 03-2A/TNDN. Chỉ lập khi doanh nghiệp có số lỗ được kết chuyển từ các kỳ trước và trong kỳ này doanh nghiệp có lãi.

Lập phụ lục thuế TNDN được ưu đãi 03-3A/TNDN. Chỉ lập khi doanh nghiệp có thu nhập từ dự án đầu tư mới, thu nhập của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3.6.2.2. Nộp tờ khai thuế TNDN

Các bước nộp tờ khai thuế TNDN:

- Bước 1: Đăng nhập vào hệ thống <https://dichvucong.gdt.gov.vn>.
- Bước 2: Tải tờ khai thuế đã kết xuất dưới dạng file XML lên hệ thống.
- Bước 3: Thực hiện ký và nộp tờ khai.
- Bước 4: Kiểm tra email xem việc gửi tờ khai thuế đã được cơ quan thuế chấp nhận chưa.

1.3.7. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.7.1. Chứng từ, sổ sách kế toán

1.3.7.1.1. Chứng từ kế toán

Để theo dõi, hạch toán thuế TNDN kế toán thuế phải sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định,...
- Quyết toán thuế TNDN (03/TNDN)(TT80/2021).
- Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (03-1A/TNDN).
- Phụ lục chuyển lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh (03-2A/TNDN).
- Giấy nộp thuế vào ngân sách nhà nước.
- Các chứng từ liên quan khác.

1.3.7.1.2. Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết TK 3334.
- Sổ cái TK 821,333.

1.3.7.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng 2 tài khoản được ban hành theo

TT133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính:

- Tài khoản 3334 – Thuế thu nhập doanh nghiệp: phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Nợ	TK 3334	Có
		SDĐK: Số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp đầu kì.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp vào Ngân sách nhà nước. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vào Ngân sách nhà nước trong kì.
SDCK: Số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa vào Ngân sách nhà nước.		SDCK: Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vào Ngân sách nhà nước.

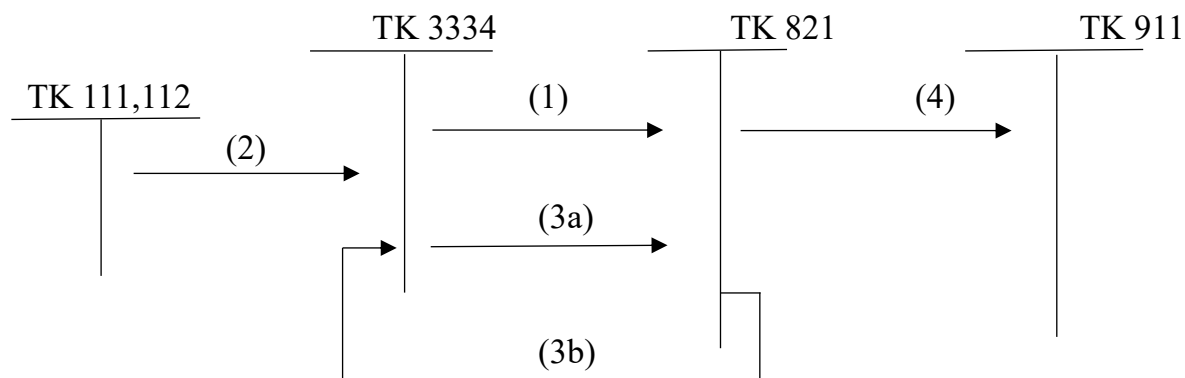
Trong trường hợp cá biệt, tài khoản thuế thu nhập doanh nghiệp có số dư bên nợ có nghĩa là số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp lớn hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn, giảm.

- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Nợ	TK 821	Có
- Số thuế TNDN thực tế phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm. - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí TNDN hiện hành của năm hiện hành		- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí TNDN hiện hành phát hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh – TK 911”



1.3.7.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán thuế TNDN và chi phí.

Chú thích:

- (1) Định kì hạch toán số thuế TNDN phải nộp hoặc số thuế TNDN tạm phải nộp.
- (2) Khi nộp thuế TNDN hoặc tạm nộp thuế TNDN vào ngân sách nhà nước.
- (3a) Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp cả năm lớn hơn số thuế TNDN đã tạm nộp thì kế toán ghi số số thuế phải nộp thêm.
- (3b) Nếu số thuế TNDN thực tế phải nộp cả năm nhỏ hơn số thuế TNDN đã tạm nộp thì số nộp thừa sẽ được chuyển sang nộp cho năm nay.
- (4) Cuối kì kế toán kết chuyển số chênh lệch số phát sinh của TK 821 sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành.

CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.1.1. Giới thiệu khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

- Tên công ty: Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.
- Tên quốc tế: SAP TRADING & ENGINEERING COMPANY LIMITED.
- Mã số thuế: 0401539430.
- Địa chỉ: 08 Phan Văn Định, phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0935242077.
- Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).
- Người đại diện pháp lý: Đoàn Thị Phú.
- Nơi đăng ký quản lý: Thuế cơ sở 4 Thành phố Đà Nẵng.
- Ngày cấp giấy phép và hoạt động: 16/05/2013.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài nhà nước.
- Ngành nghề chính: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Chi tiết: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, thiết bị phòng cháy chữa cháy, điều hòa không khí).

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

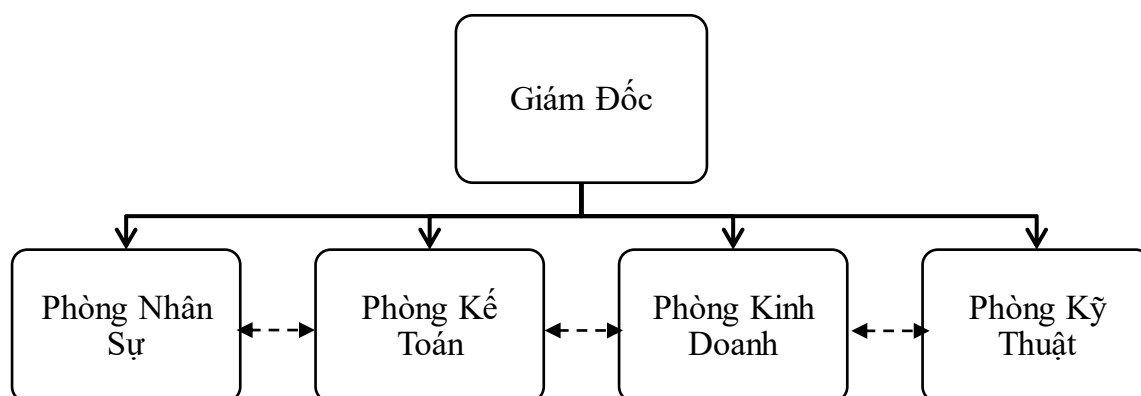
Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 16/05/2013. Công ty được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có đầy đủ tư cách pháp nhân, quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Công ty tự chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi nguồn vốn do mình quản lý; có con dấu riêng, có tài sản độc lập và được phép mở tài khoản tại các ngân hàng theo quy định của Nhà nước.

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là buôn bán các loại linh kiện điện tử, thiết bị viễn thông và thiết bị phòng cháy chữa cháy. Trong khoảng năm năm trở lại đây, bên cạnh hoạt động thương mại truyền thống, công ty đã mở rộng sang lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và kiểm tra định kỳ các thiết bị phòng cháy chữa cháy. Đây được xem là bước đi chiến lược, phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của thị trường cũng như các quy định ngày càng chặt chẽ của pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy. Hoạt động dịch vụ này không chỉ giúp công ty nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng mà còn giúp công ty tăng doanh thu.

Trải qua hơn một thập kỷ hình thành và phát triển, mặc dù hoạt động với quy mô còn khiêm tốn, song Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP đã từng bước xây dựng và khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Ban lãnh đạo cùng đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ, năng động, có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao luôn chủ động nghiên cứu, đổi mới tư duy quản lý, tiếp thu và vận dụng linh hoạt các kinh nghiệm thực tiễn vào hoạt động kinh doanh. Đồng thời, công ty thường xuyên cập nhật thông tin, nắm bắt kịp thời những biến động của thị trường để đề ra các giải pháp phù hợp, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2.1.3. Đặc điểm, tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.1.3.1. Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty



Chú thích: Quan hệ trực tiếp: $\longrightarrow$

Quan hệ phối hợp: $\longleftrightarrow$

Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban

- **Giám đốc:** Là người đứng đầu và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.

- **Phòng nhân sự:** Xây dựng cơ cấu tổ chức nhân sự cho các phòng ban trong doanh nghiệp. Chịu mọi trách nhiệm liên quan đến nhân sự, tuyển dụng, sa thải.

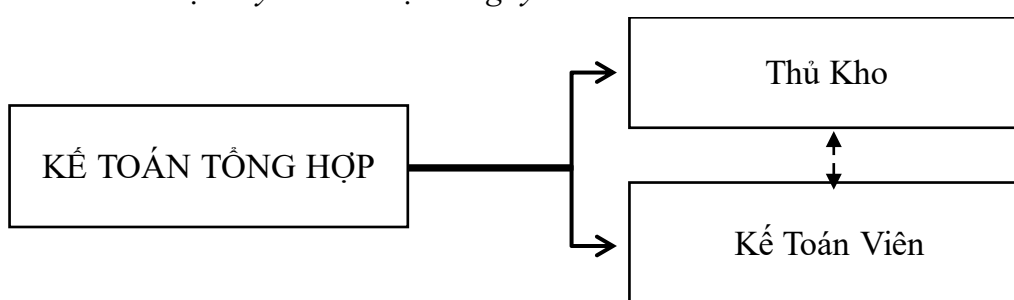
- **Phòng kế toán:** Hạch toán ban đầu, xử lý thông tin đến lập BCTC. Ghi chép, tính toán và báo cáo tình hình hiện có. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Kiểm tra kế hoạch thu chi tài chính. Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Cung cấp số liệu báo cáo cho trong nội bộ, cơ quan thuế.

- **Phòng kinh doanh:** Phụ trách nghiên cứu, phát triển và phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. Phụ trách tìm hiểu thông tin, đàm phán, ký kết hợp đồng với khách hàng, đối tác. Có quan hệ chặt chẽ với kế toán kho để kịp thời đáp ứng hàng hóa phục vụ khách hàng. Lựa chọn, tìm kiếm và làm trung gian với nhà cung cấp hàng hóa, đơn vị vận chuyển hàng hóa. Lên kế hoạch mua hàng, làm hợp đồng, đơn đặt hàng.

- **Phòng kỹ thuật:** Có nhiệm vụ xử lý các vấn đề kỹ thuật, lỗi phát sinh trong quá trình sử dụng. Hỗ trợ khách hàng sử dụng, lắp đặt cũng như có nhiệm vụ sửa chữa và bảo trì sản phẩm cho khách hàng.

2.1.4. Đặc điểm, tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty



Chú thích : Quan hệ chỉ đạo —→

Quan hệ phối hợp <-->

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

2.1.4.2. Chức năng nhiệm vụ của các phân hành

- **Kế toán tổng hợp (Bao gồm 01 người):** Chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và kiểm soát toàn bộ công tác kế toán; tổng hợp số liệu, lập báo cáo tài chính; kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa kế toán và kho; đảm bảo tính chính xác, trung thực của số liệu.

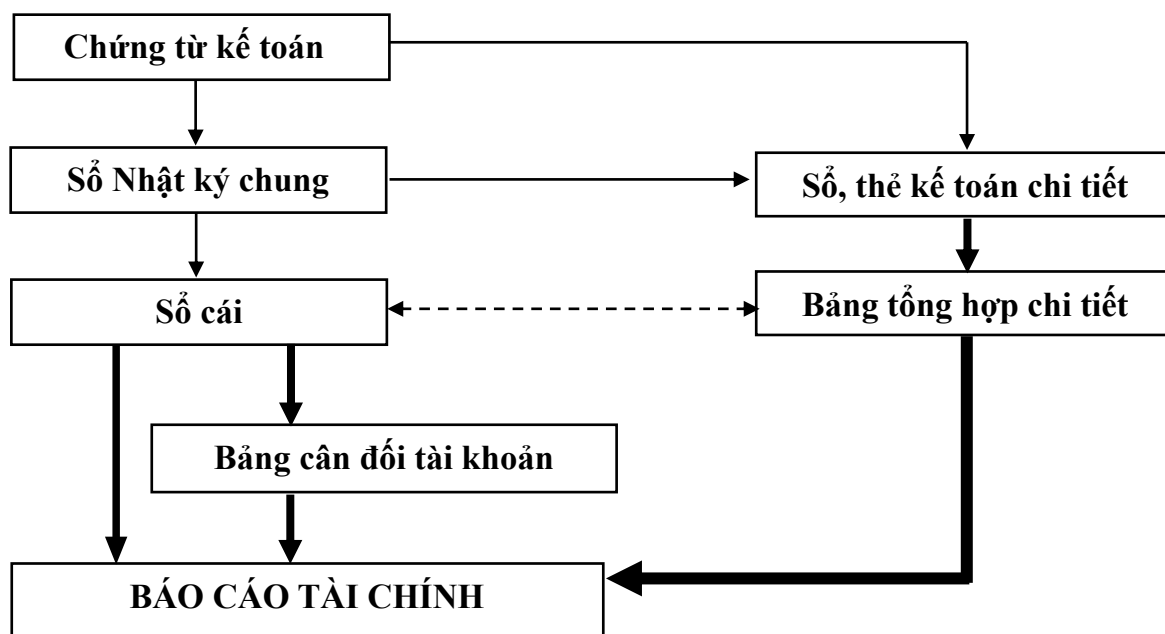
- **Kế toán viên (Bao gồm 2 người):** Thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; lập và kiểm tra chứng từ kế toán; theo dõi chi tiết vật tư, hàng hóa; phối hợp với thủ kho trong đối chiếu số liệu; cung cấp số liệu cho kế toán tổng hợp.

- **Thủ kho (Bao gồm 2 người) :** Quản lý hàng hóa trong kho, nắm rõ tình hình số lượng hàng trong kho. Hằng ngày thực hiện thủ tục xuất - nhập hàng hóa; đảm bảo, bảo quản hàng hóa không bị hư hỏng hay mất mát. Thủ kho có trách nhiệm kiểm số lượng hàng tồn trong kho khi kế toán yêu cầu hàng để cung cấp cho khách hàng. Định kỳ cuối tháng kiểm hàng và báo cáo số liệu hàng tồn trong kho với kế toán tổng hợp. Phối hợp với kế toán viên trong đối chiếu, kiểm kê và báo cáo tình hình tồn kho.

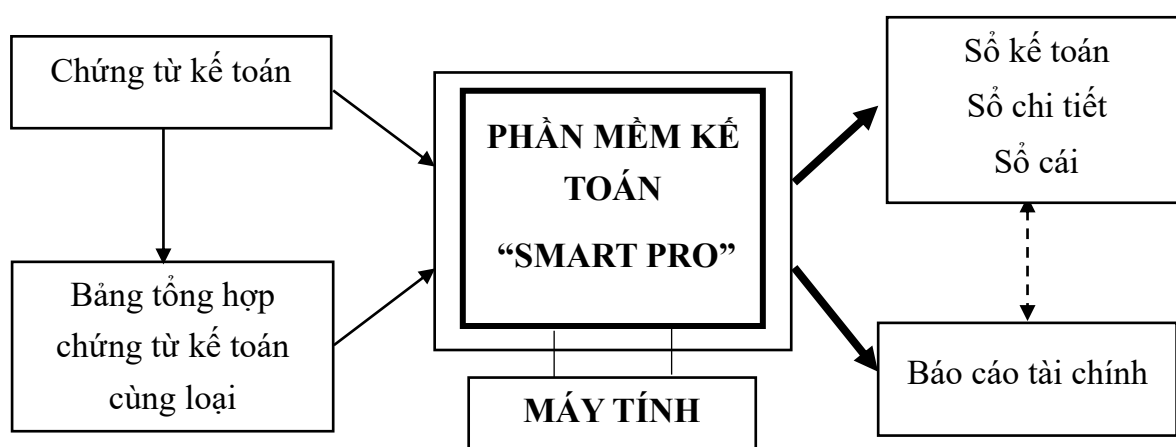
2.1.5. Hình thức ghi sổ tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.1.5.1. Sơ đồ hình thức ghi sổ

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung trên phần mềm kế toán SMART PRO.



Sơ đồ 2.3: Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty



Chú thích: Ghi hàng ngày:
 Ghi cuối tháng:
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên máy tính

2.1.5.2. Trình tự ghi sổ tại công ty

❖ Công việc hàng ngày:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy

tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

❖ **Công việc cuối tháng:**

- Cuối tháng, kế toán đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết để đảm bảo số liệu chính xác, hóa đơn có bị sót hay có theo thông tin đã được nhập trong kỳ.
- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

2.1.6. Chính sách, chế độ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP áp dụng chính sách kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ về nguyên tắc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

- Năm tài chính: Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ: VNĐ.

- Kỳ kê khai thuế GTGT: Theo quý.

- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân tức thời.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Kỳ báo cáo tài chính: Theo năm.

- Hình thức hóa đơn: Hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

2.2. Thực trạng kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.2.1. Thực trạng kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.2.1.1. Đặc điểm kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty

2.2.1.1.1. Phương pháp tính thuế

Công ty áp dụng phương pháp tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế GTGT và thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT hằng quý.

2.2.1.1.2. Mức thuế suất áp dụng

Mức thuế suất được áp dụng chủ yếu tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP cụ thể:

❖ **Thuế suất bán ra:**

- Hàng hóa chủ yếu của công ty là linh kiện điện tử, thiết bị phòng cháy chữa cháy,

điều hòa,... theo quy định thông thường, các mặt hàng này thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%.

- Bên cạnh đó, công ty còn cung cấp dịch vụ bảo trì phòng cháy chữa cháy chịu mức thuế suất 10%.

Tuy nhiên, theo nghị quyết số 204/2025/QH15 ban hành ngày 17/07/2025 (có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2026), giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 (còn 8%).

Do các mặt hàng, dịch vụ mà công ty kinh doanh không thuộc nhóm hàng hóa, dịch vụ bị loại trừ nên, thuế suất GTGT áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra của công ty là 8%.

❖ **Thuế suất mua vào:**

- Các mặt hàng mua vào của công ty phần lớn là linh kiện điện tử, thiết bị phòng cháy chữa cháy... chịu mức thuế suất 10% và 8% do áp dụng chính sách giảm thuế của Nhà nước.

- Dịch vụ ăn uống, vận chuyển chịu mức thuế suất 10%, 8% cụ thể là: Rượu, bia, thức uống có cồn chịu mức thuế suất 10%; Cước phí vận chuyển, đồ ăn,.. chịu mức thuế suất 8%.

- Lệ phí ngân hàng chịu mức thuế suất 10% và KCT cụ thể: Phí ngân hàng chịu thuế suất 10%; Lãi tiền gửi mức thuế suất là KCT.

2.2.1.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

2.2.1.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP sử dụng các loại hóa đơn, chứng từ áp dụng theo TT133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 như sau:

- Hóa đơn GTGT mà công ty đang sử dụng là hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn điện tử) mẫu số 1.

- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT(TT80/2021).

- Hợp đồng mua hàng.

- Giấy báo nợ, giấy báo có, sao kê của ngân hàng.

- Phiếu thu, phiếu chi.

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.

- Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào (BKMV-01-1/GTGT); bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra (BKBR-01-2/GTGT).

- Phụ lục giảm thuế theo nghị quyết số 204/2025/QH15.

2.2.1.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP sử dụng các tài khoản áp dụng theo

TT133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 như sau:

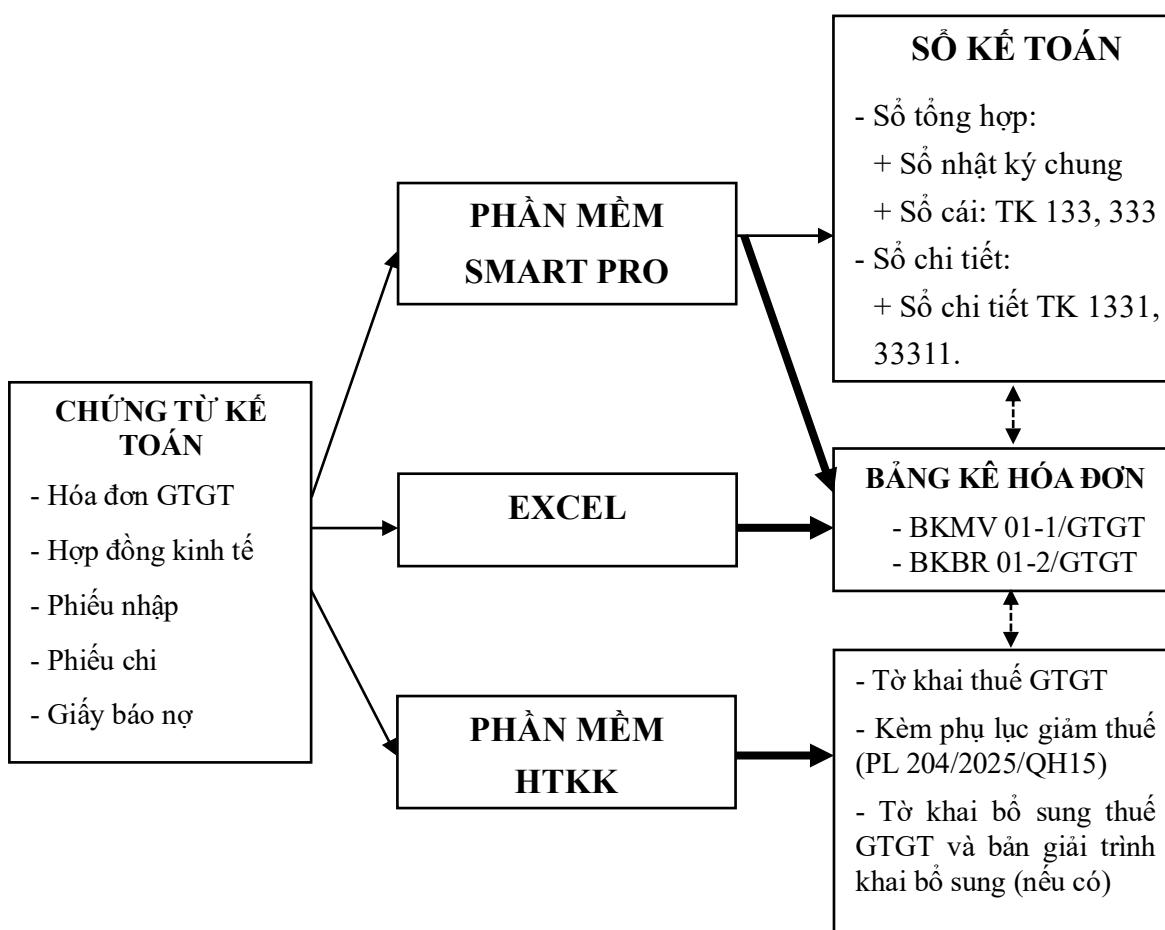
- Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ.
- Tài khoản 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ.
- Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.
- Tài khoản 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp.
- Tài khoản 33311 – Thuế GTGT đầu ra.

2.2.1.2.3. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 133, 333.
- Sổ chi tiết TK 1331, 33311.

2.2.1.3. Quy trình ghi sổ kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty

2.2.1.3.1. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty



Chú thích: Nhập số liệu hằng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty

2.2.1.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty

❖ Công việc hàng ngày:

- Hàng ngày, khi có nghiệp vụ mua - bán hàng hóa, dịch vụ có hóa đơn GTGT, kế toán sẽ tập hợp các hóa đơn làm căn cứ nhập liệu vào phần mềm kế toán. Sau đó, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ như Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết, hóa đơn đồng thời sẽ được cập nhật vào Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào – bán ra (BKMV 01-1/GTGT, BKBR 01-2/GTGT).

❖ Công việc cuối tháng:

- Cuối tháng, kế toán đối chiếu số liệu giữa sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Dùng bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào – bán ra căn cứ lập tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT) vào cuối mỗi quý.

2.2.1.4. Kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.2.1.4.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào

- Nghiệp vụ: Ngày 27/12/2025, thuộc quý 4/2025 công ty mua hàng hóa theo hóa đơn số 6241 với số tiền: 1.140.000 đồng, tiền thuế (10%): 114.000 đồng của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại Long Minh và đã thanh toán bằng tiền mặt cho nhà cung cấp.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG MINH

Mã số thuế: 0400438214

Điện thoại: 0236.2215 347

Fax: 0236.3871 433

Địa chỉ: 48 Đoàn Thị Điểm, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Website: <http://longminhco.com>

Email: longminhhdn.co@gmail.com

Số tài khoản: 5610006380 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng

040023559899 - Ngân hàng Sacombank - CN Đà Nẵng

1001000281018 - Ngân hàng Vietcombank - CN Nam Đà Nẵng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C25TY

Ngày 27 tháng 12 năm 2025

Số: 00006241

Mã CQT: 0083F03FEA0E944FB0A3050AADE64D4DB6

Ho tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mã số thuế: 0401539430

MSÐVCOHVNS:

Địa chỉ: 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất GTGT	Tiền thuế GTGT
1	Chai thờ khô	Chai	3,00	380.000,00	1.140.000	10%	114.000
LÔNG MINH							
Tổng hợp		Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Thuế suất 8%:							
Thuế suất 10%:		1.140.000		114.000		1.254.000	
Tổng cộng:		1.140.000		114.000		1.254.000	
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng chẵn.							

Người mua hàng

(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

**Ký bởi: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG
MINH**

Ký ngày: 27/12/2025

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu: 7ZH5FN2A0889

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Hình 2.1. Hóa đơn GTGT số 6241

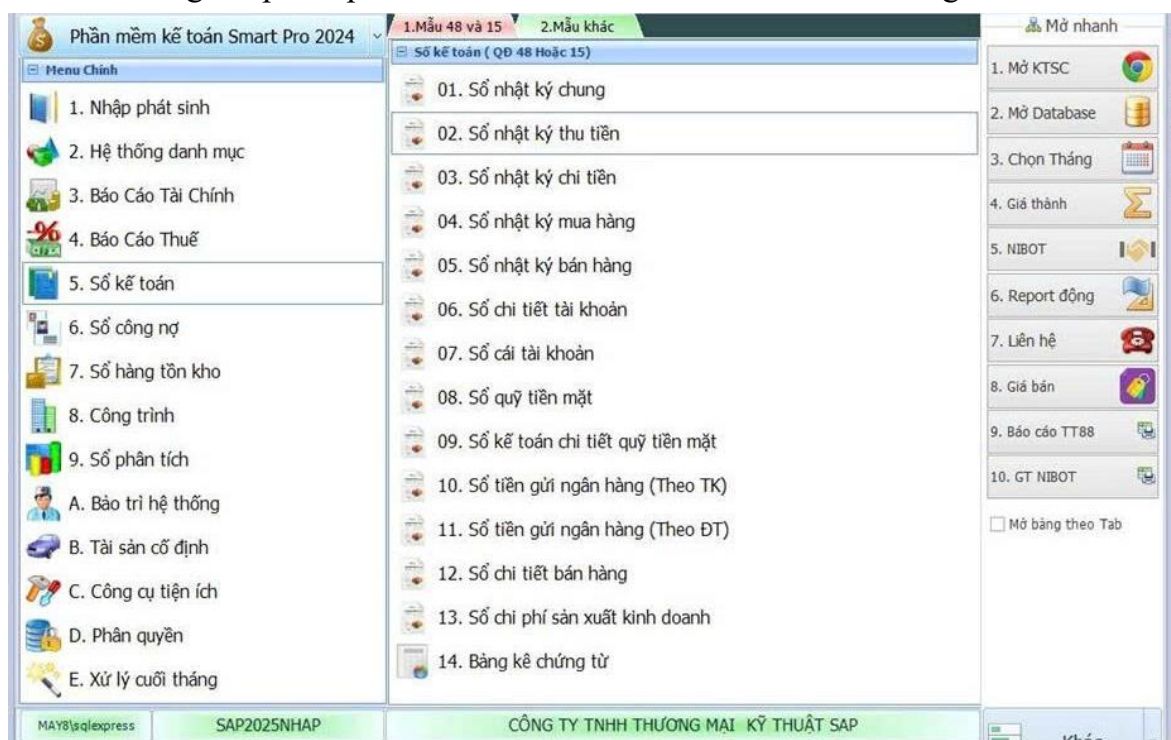
- Nghiệp vụ: Ngày 31/12/2025, thuộc quý 4/2025 công ty mua hàng hóa theo hóa đơn số 3010 với số tiền: 11.542.000 đồng, tiền thuế (8%): 923.360 đồng của Công ty cổ phần Công nghệ an toàn Việt Nam và chưa thanh toán cho nhà cung cấp.

vietSafe LIFE SAFETY TECHNOLOGY		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) (Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)		Ký hiệu (Serial): 1C25TVN	
				Số (No.): 3010	
		Ngày (Date) 31 tháng (month) 12 năm (year) 2025			
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN TOÀN VIỆT NAM					
Mã số thuế (Tax code): 0102710753					
Địa chỉ (Address): Tầng 7 tòa nhà đa năng 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam					
Điện thoại (Tel): 02437931355 Fax: 02437931344					
Email: info@vietsafe.com.vn Website: www.vietsafe.com.vn, isafe.com.vn					
Họ tên người mua hàng (Buyer): _____					
Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP					
Mã số thuế (Tax code): 0401539430					
Địa chỉ (Address): 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (A/C No.): _____					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Module cho đầu báo thường (ULMIU872)	Cái	20	577.100	11.542.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					11.542.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 923.360
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					12.465.360
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi đồng.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN TOÀN VIỆT NAM Ký ngày: 31-12-2025		
Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 004018FB3BF1EE4F81B05AC042CD89EA73					
Trang tra cứu: http://0102710753hd.easyinvoice.vn Mã tra cứu: XETKSNCR					

Hình 2.2. Hóa đơn GTGT số 3010

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán nhập vào phần mềm SMART PRO ở phần hành mua hàng từ hóa đơn GTGT số 6241, 3010 như sau:

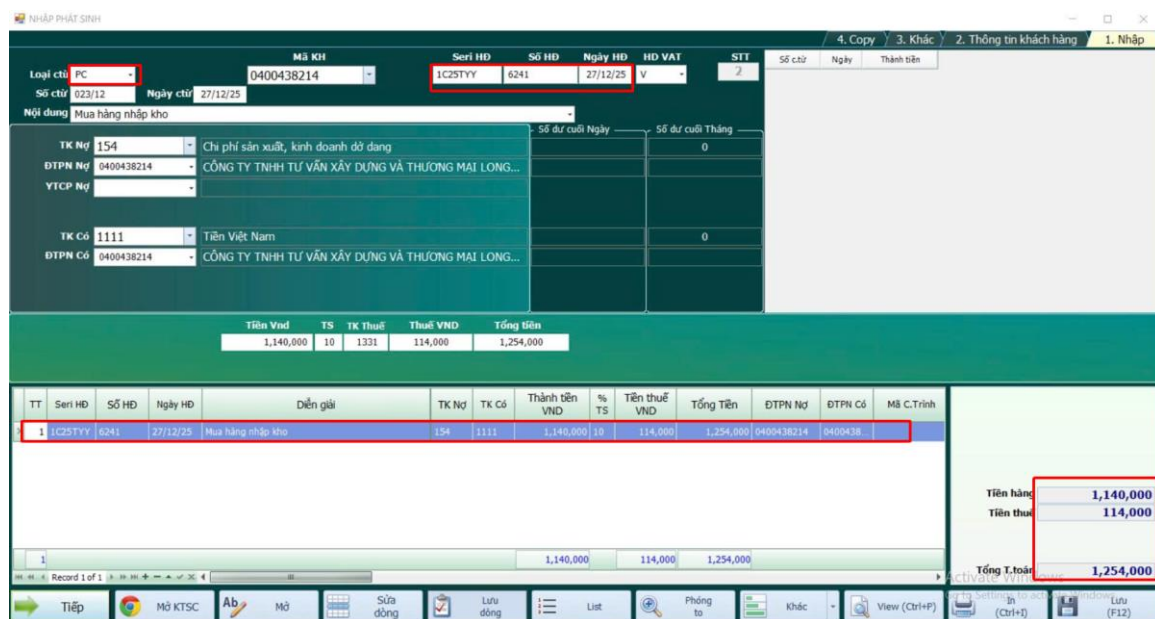
Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm kế toán SMART PRO điền thông tin.



Hình 2.3: Giao diện đăng nhập vào phần mềm SMART PRO

Bước 2: Nhập dữ liệu vào phần mềm.

Kế toán thực hiện thao tác vào phần hành “1. Nhập phát sinh” => Bấm chọn “PC” đối với hóa đơn số 6241 và bấm chọn “PNK” đối với hóa đơn số 3010.



Hình 2.4: Hóa đơn mua vào số 6241 nhập liệu vào phần mềm SMART PRO

4. Copy 3. Khác 2. Thông tin khách hàng 1. Nhập

Loại ctđ: PRK Mã KH: 0102710753 Seri HD: 1C2STVN Số HD: 3010 Ngày HD: 31/12/25 HD VAT: V SIT: 2

Số ctđ: 006/12 Ngày ctđ: 31/12/25

Diễn giải: Mua hàng nhập kho

TK Nợ: 1561 Gía mua hàng hóa Sđ dư cuối Ngày: Sđ dư cuối Tháng: 0

DTPN Nợ: 0102710753 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN TOÀN VIỆT NAM

VTHH Nợ: ULMIU872 Module điều khiển đầu báo thường UL (ULMIU872)

TK Có: 331 Phải trả cho người bán Sđ dư cuối Tháng: 0

DTPN Có: 0102710753 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN TOÀN VIỆT NAM

Số lượng	Đơn giá	Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
Chiếc	20.000	577.100.00		1331	923.360	12.465.360

TT	TK Có	TK Nợ	Kho	Mô tả	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	Loại thuế	TK Thuế	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tđ
1	331	1561	0102710753	ULMIU872	Module điều khiển đầu báo thường UL (ULMIU872)	Chiếc	20.000	577.100	11.542.000	V	1331	8	923.360	12.465.360

Tiền hàng: 11.542.000
Tiền thuế: 923.360
Tổng T.đ: 12.465.360

Record 1 of 1

20.000 577.100 11.542.000 923.360 12.465.360

Tiếp Mỏ KTCSC Ab Sửa đồng Lưu đồng List Phóng to Khác View (Ctrl+F) In (Ctrl+I) Lưu (F12)

Hình 2.5: Hóa đơn mua vào số 3010 nhập liệu vào phần mềm SMART PRO

Kế toán nhập các thông tin cần thiết vào chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ; chứng từ nghiệp vụ khác.

Bước 3: Sau khi hoàn tất việc nhập liệu thì chọn “cất” hoặc nhấn phím F12 để cất khi đó phần mềm sẽ tự động lên bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào (BKMV 01-1/GTGT), tờ khai thuế GTGT, các sổ liên quan như sổ nhật ký chung, sổ cái TK 133, sổ chi tiết TK 1331...

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 1331-Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ

Quý 4 năm 2025

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...		0
13/10/25	PKT.002/10	13/10/25	Thuế GTGT mua vào HD số :492,13/10/25	331	264.000	0
13/10/25	PC.010/10	13/10/25	Thuế GTGT mua vào HD số :6347,13/10/25	1111	332.593	0
...	...	...	...	...		0
21/10/25	PKT.010/10	21/10/25	Hạch toán giảm thuế còn khấu trừ theo công văn giải trình ngày 21/10/2025	811	0	887.498
...	...	...	...	...		0
27/10/25	PKT.015/10	27/10/25	Hạch toán giảm thuế còn khấu trừ theo công văn giải trình ngày 27/10/2025	811	0	497.704
29/10/25	PKT.016/10	29/10/25	Thuế GTGT mua vào HD số :697662,29/10/25	1111	80.000	0
...	...	...	...	...		0
04/12/25	PC.004/12	04/12/25	Thuế GTGT mua vào HD số :776,04/12/25	1111	282.160	0
06/12/25	PC.006/12	06/12/25	Thuế GTGT mua vào HD số :728846,06/12/25	1111	133.385	0
...	...	...	...	...		0
27/12/25	PC.023/12	27/12/25	Thuế GTGT mua vào HD số :6241,27/12/25	1111	114.000	0
27/12/25	PC.022/12	27/12/25	Thuế GTGT mua vào HD số :1039465,27/12/25	1111	66.681	0
...	...	...	...	...		0
31/12/25	PNK.006/12	31/12/25	Thuế GTGT mua vào HD số :3010,31/12/25	331	923.360	0
31/12/25	PKT.021/12	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133	33311	0	410.870.319
			Cộng phát sinh		412.255.521	412.255.521
			Số dư cuối kỳ		0	0

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :133-Thuế GTGT được khấu trừ

Quý 4 năm 2025

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
...	...	...	...	...	...	0
21/10/25	PKT.010/10	21/10/25	Hạch toán giảm thuế còn khấu trừ theo công văn giải trình ngày 21/10/2025	811	0	887.498
...	...	...	...	...	...	0
23/10/25	PC.022/10	23/10/25	Thuế GTGT mua vào HĐ số :945,23/10/25	1111	402.400	0
...	...	...	...	...	...	0
27/10/25	PKT.015/10	27/10/25	Hạch toán giảm thuế còn khấu trừ theo công văn giải trình ngày 27/10/2025	811	0	497.704
29/10/25	PKT.016/10	29/10/25	Thuế GTGT mua vào HĐ số :697662,29/10/25	1111	80.000	0
...	...	...	...	...	...	0
27/12/25	PC.023/12	27/12/25	Thuế GTGT mua vào HĐ số :6241,27/12/25	1111	114.000	0
...	...	...	...	...	...	0
27/12/25	PC.024/12	27/12/25	Thuế GTGT mua vào HĐ số :8477,27/12/25	1111	324.400	0
28/12/25	PC.025/12	28/12/25	Thuế GTGT mua vào HĐ số :34825,28/12/25	1111	142.434	0
...	...	...	...	...	...	0
31/12/25	PNK.006/12	31/12/25	Thuế GTGT mua vào HĐ số :3010,31/12/25	331	923.360	0
31/12/25	PKT.021/12	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133	33311	0	410.870.319
			CỘNG PHÁT SINH		412.255.521	412.255.521
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		1.087.161.903	1.087.161.903

Hình 2.6: Trích sổ cái TK 133, sổ chi tiết TK 1331 quý 4 năm 2025

2.2.1.4.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra

- Nghiệp vụ: Bán hàng hóa

Ngày 23/12/2025, thuộc quý 4/2025, công ty bán hàng hóa (Đầu báo khói và đế đầu báo khói) cho Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư TSC Việt Nam với tổng số tiền: 13.320.000 đồng, tiền thuế (8%): 1.065.000 đồng theo hóa đơn GTGT số 196, khách hàng chưa thanh toán tiền hàng.

47

- Ngày 30/12/2025, thuộc quý 4/2025, công ty cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống báo cháy cho Công ty TNHH Tuyệt Liên Sơn với tổng số tiền: 91.000.000 đồng, tiền thuế (8%): 7.280.000 đồng theo hóa đơn GTGT số 202, khách hàng chưa thanh toán tiền hàng.

Hình 2.8. Hóa đơn GTGT số 202

Căn cứ vào hóa đơn bán ra, kế toán nhập vào Misa ở phần hành bán hàng từ hóa đơn GTGT số 196,202 như sau:

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm kế toán Smart pro điền thông tin, thực hiện như quy trình mua hàng.

Bước 2: Kế toán thực hiện thao tác vào phần hành “1. Nhập phát sinh” => Bấm chọn “HDBR” đối với hóa đơn số 196 và bấm chọn “HD” đối với hóa đơn số 202.

Loại ct: HDBR **Mã KH:** 0108742832 **Seri HD:** 1C25TSA **Số HD:** 196 **Ngày HD:** 23/12/25 **HD VAT:** R

Số ct: 019/12 **Ngày ct:** 23/12/25

Diễn giải: Doanh thu bán hàng

TK Nợ	Phải thu của khách hàng	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ	0108742832	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TSC VIỆT NAM	0

TK Có	Doanh thu bán hàng hóa	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Có	0108742832	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TSC VIỆT NAM	0

HH Xuất: CAP320 **Đầu báo khối địa chỉ:** Mã hàng: CAP320

Số lượng	Đơn giá	Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
cải	18.000	620,000.00	11,160,000	8	33311	892,800

TT	TK Hàng ...	Mã HH Xuất	Tên danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền VND	% CK	Chiết khấu	Loại thuế	TK Thuế	% TS	Tiền thuế VND	Tổng T.đ
1	1561	CAP320	Đầu báo khối địa chỉ. Mã hàng: CAP320	cải	18.000	620,000	11,160,000	0	0	R	33311	8	892,800	12,052
2	1561	CAB300	Đầu báo khối địa chỉ	Cải	18.000	120,000	2,160,000	0	0	R	33311	8	172,800	2,332

Tiền hàng: 13,320,000
Tiền thuế: 1,065,600
Tổng T.đ: 14,385,600

Hình 2.9: Hóa đơn GTGT số 196 nhập liệu vào phần mềm SMART PRO

Loại ct: HD **Mã KH:** 0401708488 **Seri HD:** 1C25TSA **Số HD:** 202 **Ngày HD:** 30/12/25 **HD VAT:** R

Số ct: 003/12 **Ngày ct:** 30/12/25

Diễn giải: Cung cấp dịch vụ bảo trì đợt 2 - Gói thầu bảo trì hệ thống Báo cháy và FM200 - Hợp đồng số 18032

TK Nợ	Phải thu của khách hàng	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Nợ	0401708488	CÔNG TY TNHH TUYẾT LIÊN SƠN	0

TK Có	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Số dư cuối Ngày	Số dư cuối Tháng
ĐTPN Có	0401708488	CÔNG TY TNHH TUYẾT LIÊN SƠN	0

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
91,000,000	8	33311	7,280,000	98,280,000

TT	Diễn giải	TK Nợ	ĐTPN Nợ	TK Có	ĐTPN Có	Thành tiền VND	% CK	Chiết khấu	Loại thuế	TK Thuế	% TS	Tiền thuế VND	Tổng T.đ	Mã C.Trình
1	Cung cấp dịch vụ bảo trì đợt 2 - Gói thầu ...	131	0401708488	5113	0401708488	91,000,000	0	0	R	33311	8	7,280,000	98,280,000	

Tiền hàng: 91,000,000
Tiền thuế: 7,280,000
Tổng T.đ: 98,280,000

Hình 2.10: Hóa đơn GTGT số 202 nhập liệu vào phần mềm SMART PRO

Bước 3: Kế toán nhập các thông tin cần thiết vào chứng từ bán hàng hóa, dịch vụ. Sau khi hoàn tất việc nhập liệu thì chọn “cắt” hoặc nhấn phím F12 để cắt khi đó phần

mềm sẽ tự động lên bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra (BKBR-01-2/GTGT), tờ khai thuế GTGT, các sổ liên quan như sổ nhật ký chung, sổ cái TK 333, sổ chi tiết TK 33311,...

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Mã hiệu : 33311-Thuế GTGT đầu ra

Quý 4 năm 2025

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	103.132.588
01/10/25	HDBR.001/10	01/10/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 121,01/10/25	131	0	1.194.280
...	...	...	...	...	...	...
21/10/25	PKT.008/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q3/2022 (theo công văn giải trình ngày 21/10/2025)	811	0	742.849
21/10/25	PKT.009/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q1/2023 (theo công văn giải trình ngày 21/10/2025)	811	0	430.272
...	...	...	...	...	...	...
22/10/25	CTNH.031/10	22/10/25	Nộp tiền thuế GTGT Q3/25	1121-VCB746	103.132.588	0
22/10/25	CTNH.032/10	22/10/25	Nộp tiền thuế GTGT theo công văn giải trình ngày 21/10/2025	1121-VCB746	1.173.121	0
...	...	...	...	...	...	...
27/10/25	PKT.011/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q3/2022 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)	811	0	330.296
27/10/25	PKT.012/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q1/2023 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)	811	0	478.817
...	...	...	...	...	...	...
23/12/25	HDBR.019/12	23/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 196,23/12/25	131	0	1.065.600
23/12/25	HTL.001	23/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 35,23/12/25	331	382.872	0
24/12/25	HDBR.020/12	24/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 197,24/12/25	131	0	3.840.461
25/12/25	HDBR.021/12	25/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 198,25/12/25	131	0	296.000
26/12/25	HDBR.022/12	26/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 199,26/12/25	131	0	520.000
26/12/25	HDBR.023/12	26/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 200,26/12/25	131	0	12.341.156
29/12/25	HDBR.024/12	29/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 201,29/12/25	131	0	472.760
30/12/25	HD.003/12	30/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 202,30/12/25	131	0	7.280.000
31/12/25	HDBR.025/12	31/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 203,31/12/25	131	0	418.400
31/12/25	HDBR.026/12	31/12/25	Thuế GTGT đầu ra HĐ: 204,31/12/25	131	0	1.717.200
31/12/25	PKT.021/12	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133	1331	410.870.319	0
			Cộng phát sinh		516.368.013	736.976.172
			Số dư cuối kỳ		0	323.740.747

Hình 2.11: Trích sổ chi tiết TK 33311 quý 4 năm 2025

SỔ CÁI
Mã hiệu :3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp
Quý 4 năm 2025

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ			103.132.588
01/10/25	HDBR.001/10	01/10/25	Thuế GTGT đầu ra HD: 121,01/10/25	131		1.194.280
01/10/25	HDBR.002/10	01/10/25	Thuế GTGT đầu ra HD: 123,01/10/25	131		2.160.000
...	...	...	...	...	...	...
21/10/25	PKT.008/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q3/2022 (theo công văn giải trình ngày 21/10/2025)	811		742.849
21/10/25	PKT.009/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q1/2023 (theo công văn giải trình ngày 21/10/2025)	811		430.272
...	...	...	...	...	...	...
22/10/25	HDBR.023/10	22/10/25	Thuế GTGT đầu ra HD: 145,22/10/25	131		2.064.088
22/10/25	CTNH.031/10	22/10/25	Nộp tiền thuế GTGT Q3/25	1121-VCB746	103.132.588	
22/10/25	CTNH.032/10	22/10/25	Nộp tiền thuế GTGT theo công văn giải trình ngày 21/10/2025	1121-VCB746	1.173.121	
...	...	...	...	...	...	...
27/10/25	PKT.011/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q3/2022 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)	811		330.296
27/10/25	PKT.012/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q1/2023 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)	811		478.817
28/10/25	HDBR.029/10	28/10/25	Thuế GTGT đầu ra HD: 152,28/10/25	131		445.200
...	...	...	...	...	...	...
06/11/25	CTNH.026/11	06/11/25	Nộp tiền thuế GTGT theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)	1121-VCB746	809.113	
...	...	...	...	...	...	...
23/12/25	HDBR.019/12	23/12/25	Thuế GTGT đầu ra HD: 196,23/12/25	131		1.065.600
23/12/25	HTL.001	23/12/25	Thuế GTGT đầu ra HD: 35,23/12/25	131	382.872	
...	...	...	...	...	...	...
30/12/25	HD.003/12	30/12/25	Thuế GTGT đầu ra HD: 202,30/12/25	131		7.280.000
31/12/25	HDBR.025/12	31/12/25	Thuế GTGT đầu ra HD: 203,31/12/25	131		418.400
31/12/25	HDBR.026/12	31/12/25	Thuế GTGT đầu ra HD: 204,31/12/25	131		1.717.200
31/12/25	PKT.021/12	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 33311 sang 133	1331	410.870.319	
			CỘNG PHÁT SINH		516.368.013	736.976.172
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			323.740.747
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		2.202.756.581	1.879.406.302

Hình 2.12: Trích sổ cái TK 3331 quý 4 năm 2025

2.2.1.4.3. Kế khai, nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán sẽ tập hợp hóa đơn GTGT, chứng từ nhập vào phần mềm SMART PRO.

Cuối mỗi quý kế toán thực hiện xuất danh sách hóa đơn mua vào - bán ra trên phần mềm hóa đơn điện tử để lập bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào - bán ra, sau đó tiến hành kiểm tra, đối chiếu với bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào - bán ra trên phần mềm SMART PRO để xem có thiếu sót hóa đơn nào hay không, có hóa đơn nào chưa được kê khai hay kê khai sai thông tin hay không để làm báo cáo thuế trên phần mềm HTKK.

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO

Kèm theo tờ khai thuế GTGT

(Dùng cho cơ sở kê khai khấu trừ thuế hàng tháng)

Kỳ quý 4 Năm 2025

Tên cơ sở kinh doanh : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mã số thuế : 0401539430

Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

STT	Hóa đơn chứng từ mua			Tên người bán	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh số mua chưa thuế	Thuế suất	Thuế GTGT
	Seri	Số HD	Ngày HD						
1	1C25MOP	1255	02/10/25	CÔNG TY TNHH OT PLUS	0402231399	Dịch vụ ăn uống	572.000	10	57.200
2	1C25MOP	1255	02/10/25	CÔNG TY TNHH OT PLUS	0402231399	Dịch vụ ăn uống	1.225.000	8	98.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
62	1K25TDA	7213	31/10/25	CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG - CÔNG TY CỔ PHẦN HAI BỐN BẢY	0304043037-022	Cước chuyển phát	5.970.010	8	477.601
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
103	1C25MVN	1186	11/12/25	CÔNG TY TNHH ĂM THỰC NHÀ VUI	0402175923	Dịch vụ ăn uống	320.000	10	32.000
104	1C25MVN	1186	11/12/25	CÔNG TY TNHH ĂM THỰC NHÀ VUI	0402175923	Dịch vụ ăn uống	1.214.815	8	97.185
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
136	1C25TAM	926	25/12/25	CÔNG TY TNHH HWA-DAM	0316068967	Dịch vụ ăn uống	1.284.000	8	102.720
137	1K25TTC	1039465	27/12/25	CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V-TNHH MỘT THÀNH VIÊN	0400101683	Xăng RON 95 mức 5	833.507	8	66.681
138	1C25TYT	6241	27/12/25	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG MINH	0400438214	Chai thử khô	1.140.000	10	114.000
139	1C25MTP	8477	27/12/25	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐỨC NHẬN	0100233368-001	Dịch vụ ăn uống	480.000	10	48.000
140	1C25MTP	8477	27/12/25	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH ĐỨC NHẬN	0100233368-001	Dịch vụ ăn uống	3.455.000	8	276.400
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
21	1C25TVN	3010	31/12/25	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN TOÀN VIỆT NAM	0102710753	Module điều khiển đầu báo thường UL (ULMIU872)	11.542.000	8	923.360
							5.156.643.862		412.255.521

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA

Kèm theo tờ khai thuế GTGT

(Dùng cho cơ sở kê khai khấu trừ thuế hàng Quý,Tháng)

Kỳ quý 4 năm 2025

Tên cơ sở kinh doanh : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mã số thuế : 0401539430

Địa chỉ : 08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

STT	Hóa đơn chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế	Mặt hàng	Doanh số bán chưa thuế	Thuế suất	Thuế GTGT
	Seri	Số HD	Ngày HD						
1	1C25TSA	121	01/10/25	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TSC VIỆT NAM	0108742832	Module cho đầu báo thường. Mã hàng: MIU872	14.928.500	8	1.194.280
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
63	1C25TSA	190	19/12/25	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG PHAN GIA	0315962515	Module cho đầu báo thường. Mã hàng: MIU872	27.159.850	8	2.172.788
64	1C25TSA	191	19/12/25	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT PCCC AN BẢO PHÁT	0401424510	Nút nhấn khẩn địa chỉ CBG370S	24.541.650	8	1.963.332
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
74	1C25TNT	35	23/12/25	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TÍCH HỢP HỆ THỐNG NHT	0401849168-001	Module điều khiển-UL	-4.785.900	8	-382.872
75	1C25TSA	195	23/12/25	BAN QUẢN TRỊ CHUNG CƯ AZURA		Module giao tiếp 230VAC (CMIO353)	12.126.400	8	970.112
76	1C25TSA	196	23/12/25	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TSC VIỆT NAM	0108742832	Đế đầu báo địa chỉ	13.320.000	8	1.065.600
77	1C25TSA	197	24/12/25	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP AN TOÀN UNITEK	0108929982	Module giám sát - Mã hàng : ULMCIM	48.005.760	8	3.840.461
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
82	1C25TSA	202	30/12/25	CÔNG TY TNHH TUYẾT LIÊN SƠN	0401708488		91.000.000	8	7.280.000
83	1C25TSA	203	31/12/25	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ TSC VIỆT NAM	0108742832	Module cho đầu báo thường. Mã hàng: MIU872	5.230.000	8	418.400
84	1C25TSA	204	31/12/25	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG PHAN GIA	0315962515	Đế đầu báo địa chỉ	21.465.000	8	1.717.200
	Tổng cộng						9.182.638.330		734.611.066

Tổng doanh thu hàng hóa dịch vụ bán ra : 9.182.638.330

Tổng thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra : 734.611.066

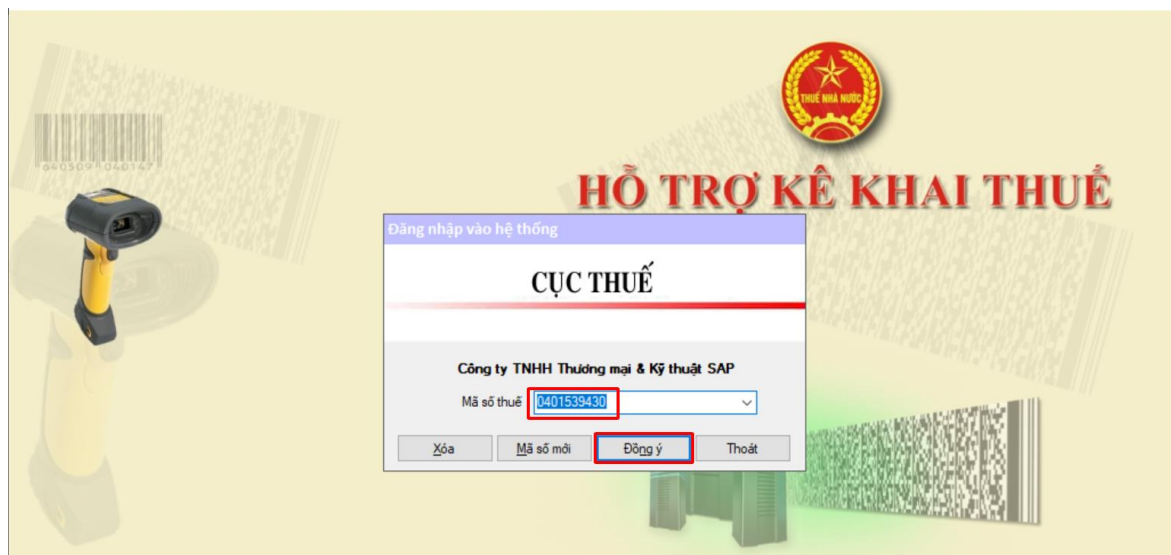
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Hình 2.13: Bảng kê mua vào, bán ra quý 4 năm 2025

Kế toán kiểm tra, đối chiếu các thông tin trên hóa đơn với số liệu trên bảng kê sao cho khớp đúng với nhau. Sau đó, dựa vào Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào (Mẫu số 01-02/GTGT) và Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ

bán ra (Mẫu số 01-01/GTGT), kê toán lập Tờ khai thuế GTGT (01/GTGT) (TT80/2021) bằng phần mềm HTKK.

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm HTKK bằng mã số thuế của công ty bấm “Đồng ý” hoặc kê khai thông tin cho doanh nghiệp (nếu chưa kê khai trước đó).



Hình 2.14: Giao diện phần mềm HTKK

Bước 2: Trong giao diện màn hình chính HTKK chọn Tờ khai thuế GTGT (01/GTGT) (TT80/2021) ở mục Thuế Giá Trị Gia Tăng. Chọn Tờ khai quý và nhập quý kê khai, năm kê khai, chọn tờ khai lần đầu, Chọn PL204/2025/QH15, nhấn Đồng ý.



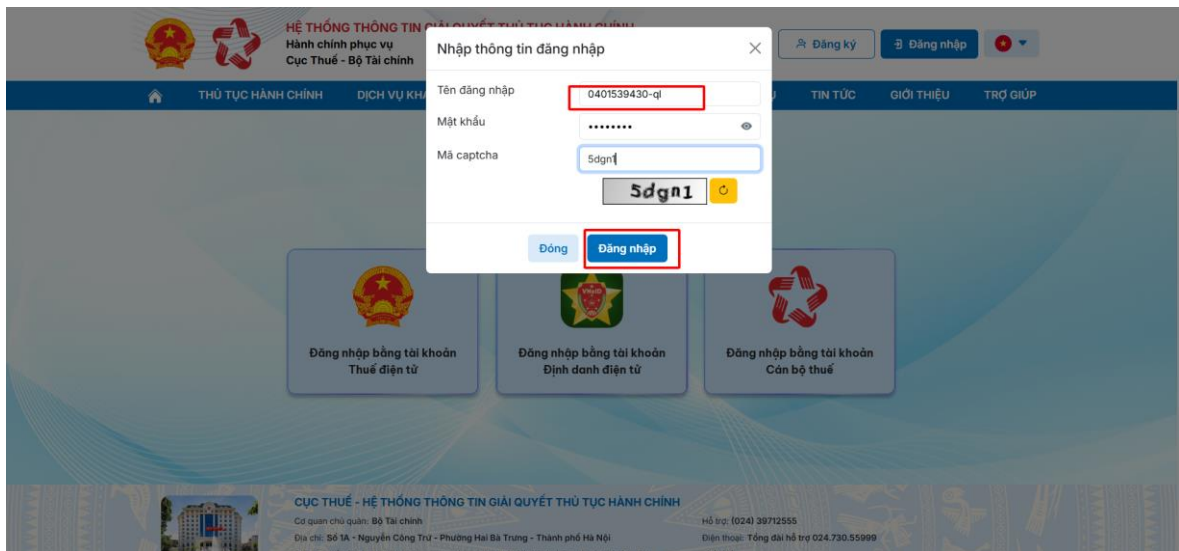


Hình 2.15: Giao diện đăng nhập tờ khai thuế giá trị gia tăng

Bước 3: Trong Tờ khai thuế GTGT, nhập vào các chỉ tiêu trên tờ khai dựa trên file excel Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào (Mẫu số 01-02/GTGT) và Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra (Mẫu số 01-01/GTGT) đã lập trước đó.

❖ **Nộp tờ khai thuế GTGT:**

Bước 1: Để nộp tờ khai, kế toán truy cập vào trang web <https://dichvucong.gdt.gov.vn> chọn “Đăng nhập bằng tài khoản thuế điện tử” => bấm “Doanh nghiệp”=> Nhập tên đăng nhập, mật khẩu => bấm “Đăng nhập”.



Hình 2.18: Cách đăng nhập vào trang dịch vụ công

Bước 2: Nhấn chọn tab “Thủ tục hành chính” => Tìm kiếm tờ khai “Thuế giá trị gia tăng” => Bấm “Tìm kiếm” => bấm “Nộp hồ sơ” => bấm “TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG MẪU 01/GTGT (TT80/2021)”=> bấm “Nộp XML” và tải file đã lưu trong máy tính => bấm “Ký tờ khai” => bấm “Nộp tờ khai”.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Hành chính phục vụ
Cục Thuế - Bộ Tài chính

Công Ty TNHH Thương Mại & Kỹ Thuật Sap

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ KHÁC TRA CỨU HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TIN TỨC GIỚI THIỆU TRỢ GIÚP

Trình duyệt: Chrome 91.0.4472.164

Trang 1/1 - Tổng số bản ghi: 1 (223 TTHC)

STT	Mã	Tên thủ tục	Mức độ	Cơ quan thực hiện	Nộp hồ sơ
1	1.007014	Khai thuế GTGT đối với phương pháp khấu trừ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh	Toàn trình	Cục Thuế/Thuế tỉnh, thành phố/ Thuế cơ sở	

Hình 2.19: Cách nộp tờ khai thuế GTGT

Bước 3: Sau khi đã nộp tờ khai, kiểm tra và tra cứu tờ khai đã nộp. Chọn “Tra cứu hồ sơ” => chọn “Ngày nộp”=> nhấn chọn “Tra cứu” thì xem được kết quả nộp tờ khai có được cơ quan thuế chấp nhận hay không.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Hành chính phục vụ
Cục Thuế - Bộ Tài chính

Công Ty TNHH Thương Mại & Kỹ Thuật Sap

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ KHÁC TRA CỨU HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TIN TỨC GIỚI THIỆU TRỢ GIÚP

Trình duyệt: Chrome 91.0.4472.164

Trang 1/1 - Tổng số bản ghi: 2

STT	Thao tác	Mã hồ sơ	Tên TTHC	Tờ khai	K
1		000.501.18.G12-260127-25010900348989	2.002235 - Khai thuế thu nhập cá nhân tháng/lưu ý của tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với tiền lương, tiền công	05/KK-TNCH - Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (TT80/2021)	
2		000.501.18.G12-260116-25010900058950	1.007014 - Khai thuế GTGT đối với phương pháp khấu trừ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh	01/GTGT - TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số 01/GTGT (TT80/2021)	

Hình 2.20: Cách tra cứu tờ khai thuế GTGT đã nộp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/GTGT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

[01b] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2025

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

[05] Mã số thuế: 0401539430

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số Ngày:

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Xã/phường/đặc khu:

[11b] Quận/Huyện:

[11c] Tỉnh/Thành phố:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	[]
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22] 0
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23] 5.156.643.862	[24] 412.255.521
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a] 0	[24a] 0
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này		[25] 412.255.521
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26] 0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ((27)=[29]+[30]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27] 9.182.638.330	[28] 734.611.066
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29] 0	
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30] 0	[31] 0
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32] 9.182.638.330	[33] 734.611.066
d	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a] 0	
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ((34)=[26]+[27]; [35]=[28])	[34] 9.182.638.330	[35] 734.611.066
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ((36)=[35]-[25])		[36] 322.355.545
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37] 1.385.202
2	Điều chỉnh tăng		[38] 0
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ		[39a] 0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ((40a)=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≥ 0		[40a] 323.740.747
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ((40b)≤[40a])		[40b] 0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ((40)=[40a]-[40b])		[40] 323.740.747
	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này		
4	((41)=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≤ 0		[41] 0
4.1	Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn ((42) ≤ [41])		[42] 0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ((43)=[41]-[42])		[43] 0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai/...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chức chỉ hành nghề số:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

ĐOÀN THỊ PHÚ

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP.

Hình 2.21: Tờ khai thuế GTGT quý 4 năm 2025 đã kí điện tử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẤM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 174/2024/QH15
(Kèm theo Tờ khai thuế GTGT Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2025)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
[02] Mã số thuế: 0401539430
[03] Tên đại lý thuế (nếu có):
[04] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% (áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa có thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ	Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Mua văn phòng phẩm	2.144.000	171.520
2	Bảo dưỡng xe	6.032.620	482.610
3	Bo cấp nguồn từ âm thanh (CW-MX-PWR)	5.389.300	431.144
4	Bo chủ hệ Âm thanh. Mã hàng : CW-MX-MBR	9.351.600	748.128
5	Bộ khuếch đại công suất 100W. Mã hàng CW-EVX-100E	84.608.400	6.768.672
6	Bộ lập trình (CF800PROG)	24.830.700	1.986.456
7	Bo từ CF3000 (ZPCB2153)	15.052.800	1.204.224
8	Board DCC từ loa hệ PA (CW-MX-DCC)	51.351.600	4.108.128
9	Board loop từ bảo cháy ZPCB2148P2	20.538.500	1.643.080
10	Card mạng cho tủ trung tâm báo cháy (ZPCB2202)	24.059.200	1.924.736
11	Card nguồn từ trung tâm báo cháy (EFXD05051)	23.078.070	1.846.246
12	Còi đèn báo cháy kết hợp	16.010.800	1.280.864
55	Trung tâm báo cháy địa chỉ 1 loop gồm network card (CF1100NC)	81.569.700	6.525.576
56	Tủ báo cháy 04 loop loại địa chỉ (EFXD01042)	323.948.610	25.915.889
57	Tủ điện thoại báo cháy chính (EFVCC5)	39.771.920	3.181.754
58	Tủ nguồn phụ	13.421.700	1.073.736
59	Xăng RON 95 mức 3	833.366	66.669
60	Xăng RON 95 Mức 5	1.666.911	133.353
61	Xăng RON95 Mức 3	2.129.688	170.374
Tổng cộng:		5.118.631.736	409.490.542

II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT	Thuế suất thuế GTGT theo quy định	Thuế suất thuế GTGT sau giảm	Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)x80%	(6)=(3)x[(4)-(5)]
1	Module điều khiển-UL	(4.785.900)	10	8	(95.718)
61	Bo chính tủ báo cháy CF3000. Mã hàng ZPCB2314	21.245.800	10	8	424.916
Tổng cộng:		9.182.638.330			183.652.766

III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%: [09] = [08] - [06]: (225.837.776) đồng

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã khai./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

ĐOÀN THỊ PHÚ



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP.

Hình 2.22: Phụ lục giảm thuế quý 4 năm 2025 đã ký điện tử

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Không ghi vào khu vực này

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
 Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:....
 (Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số C1- 02/NS
 (ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính)
 Mã hiệu: 20260128506514670
 Số: 20260128506514670

Số tham chiếu: 11220260360379897

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
 Địa chỉ: 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu
 Quận/Huyện:
 Người nộp thay:
 Địa chỉ:
 Quận/Huyện:
 Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
 hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
 Nộp vào cho NSNN ☒ TK tạm thu ☐
 Vào tài Khoản của KBNN: KBNN Khu vực XIII - PGD số 2
 Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: AGR Liên Chiểu
 Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
 Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐
 Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐
 Tại cơ quan quản lý thu: Phường Liên Chiểu - Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng Mã CQ thu: 1142264

Mã số thuế: 0401539430

 Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
 Mã số thuế:

 Tỉnh, TP:
 trích TK số: 00041000169746
 Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiêu Mục
1	0406097469050001	00/Q4/2025	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất, kinh doanh trong nước (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)		323.740.747	854	1701
Tổng tiền					323.740.747		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng

PHẦN KBNN GHI	Mã CQ thu:	Mã CQ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Ngày ký: 28/01/2026 09:58:27.

Ký điện tử bởi: CỤC THUẾ

Ngày ký: 28/01/2026 09:58:12.

Ký điện tử bởi: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Ngày ký: 28/01/2026 09:57:27.

Hình 2.23: Giấy nộp tiền thuế GTGT quý 4 năm 2025

2.2.2. Thực trạng thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.2.2.1.Đặc điểm kế toán thuế TNDN tại công ty

2.2.2.1.1. Phương pháp tính thuế TNDN

Công ty áp dụng phương pháp tính thuế và nộp thuế theo phương pháp kê khai Căn cứ theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

1. Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế được xác định:

Thu nhập chịu thuế	=	Doanh thu	-	Chi phí được trừ	+	Các khoản thu nhập khác
--------------------	---	-----------	---	------------------	---	-------------------------

2. Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế được xác định:

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	$\left(\begin{array}{l} \text{Thu nhập được miễn thuế} \\ + \\ \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \end{array} \right)$
--------------------	---	--------------------	---	--

3. Thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định:

Thuế TNDN	=	$\left(\begin{array}{l} \text{Thu nhập tính thuế} \\ - \\ \text{Phần trích lập quỹ KH\&CN (nếu có)} \end{array} \right)$	x	Thuế suất TNDN
-----------	---	---	---	----------------

2.2.2.1.2. Mức thuế suất áp dụng

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 17% do nhà nước ban hành theo quy định tại Điều 10 của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

2.2.2.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng tại công ty

2.2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP sử dụng đầy đủ các loại hóa đơn chứng từ sổ sách áp dụng theo TT133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016:

- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có, sao kê ngân hàng.
- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, biên bản bàn giao hàng hóa.
- Các chứng từ liên quan đến tiền lương (Hồ sơ lao động, hợp đồng lao động, bảng tính lương, chứng từ thanh toán lương, bảng trích nộp các khoản theo lương).
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ, bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN (03/TNDN) (TT80/2021).
- Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (03-1A/TNDN).
- Phụ lục chuyển lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh (03-1/TNDN).

2.2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP sử dụng các tài khoản áp dụng theo TT133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 như sau:

- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.
- TK 3334 – Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

- TK 632 – Giá vốn hàng bán.
- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
- TK 6421 – Chi phí bán hàng.
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- TK 711 – Thu nhập khác.
- TK 811 – Chi phí khác.
- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

2.2.4.2.3. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 333, 421, 511, 515, 632, 642, 711, 811, 821, 911.
- Sổ chi tiết TK 3334, 6421, 6422.

2.2.2.3. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

2.2.2.3.1. Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí, xác định lợi nhuận trước thuế

- Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí

Thuế TNDN được xác định dựa trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất TNDN, trong đó thu nhập chịu thuế được xác định bằng doanh thu trừ chi phí hợp lý cộng thu nhập khác.

Do đó, để có thể hiểu một cách cụ thể về công tác kế toán thuế TNDN tại công ty ta cần tìm hiểu sự tác động của kế toán doanh thu, chi phí, thu nhập khác có ảnh hưởng như thế nào đến thuế TNDN.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Trong năm 2025, tại công ty nghiệp vụ phát sinh doanh thu chủ yếu đến từ buôn bán phụ kiện, linh kiện; bên cạnh đó có phát sinh doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ bảo trì. Toàn bộ hóa đơn GTGT của nghiệp vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ đều được sử dụng làm căn cứ xác định doanh thu tiêu thụ trong kỳ.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT hằng ngày xuất bán cho khách hàng, kế toán nhập vào phần mềm Smart pro. Sau đó, phần mềm tự động cập nhật lên các sổ cái các tài khoản, sổ nhật ký chung, sổ tổng hợp. Đến cuối tháng, kết chuyển TK 5111, 5113 sang TK 911, cuối năm tài chính làm cơ sở để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

- Các khoản giảm trừ doanh thu: Trong năm 2025, tại công ty có phát sinh khoản trừ doanh thu từ hàng bị trả lại.

SỔ CÁI**Mã hiệu :511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
02/01/25	HD.001/01	02/01/25	Cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống	131	0	91.000.000
...	...	...	...	...	0	...
31/01/25	KC.02	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	129.746.200	0
31/01/25	KC.03	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	445.000.000	0
...	...	...	...	...	0	...
02/05/25	HDBR.001/05	02/05/25	Doanh thu bán hàng	131	0	12.639.000
06/05/25	HDBR.002/05	06/05/25	Doanh thu bán hàng	131	0	91.323.320
...	...	...	...	...	0	...
30/06/25	KC.02	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	165.921.536	0
...	...	...	...	...	0	...
31/07/25	KC.02	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	1.116.568.369	0
31/07/25	KC.03	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	234.000.000	0
04/08/25	HDBR.002/08	04/08/25	Doanh thu bán hàng	131	0	1.982.600
04/08/25	HDBR.001/08	04/08/25	Doanh thu bán hàng	131	0	39.244.700
...	...	...	...	...	0	...
31/08/25	KC.02	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	656.347.980	0
31/08/25	KC.03	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	91.000.000	0
...	...	...	...	...	0	...
30/09/25	KC.02	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	230.457.110	0
...	...	...	...	...	0	...
23/12/25	HDBR.019/12	23/12/25	Doanh thu bán hàng	131	0	13.320.000
23/12/25	HTL.001	23/12/25	Hàng trả lại	331	4.785.900	0
24/12/25	HDBR.020/12	24/12/25	Doanh thu bán hàng	131	0	48.005.760
...	...	...	...	...	0	...
30/12/25	HD.003/12	30/12/25	Cung cấp dịch vụ bảo trì đợt 2 - Gói thầu bảo trì hệ thống Bảo cháy và FM200 - Hợp đồng số 180325/HĐKT/SAP-VOCO DN.	131	0	91.000.000
...	...	...	...	...	0	...
31/12/25	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111	911	626.492.860	0
31/12/25	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113	911	221.000.000	0
			CỘNG PHÁT SINH		21.216.400.222	21.216.400.222
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		21.216.400.222	21.216.400.222

Hình 2.24: Trích sổ cái TK 511 năm 2025

- Doanh thu hoạt động tài chính: Trong năm 2025, doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi ngân hàng tại 2 ngân hàng là ngân hàng Techcombank và tài khoản Vietcombank trong đó ngân hàng Vietcombank doanh nghiệp mở 2 tài khoản. Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác kết chuyển TK 515 sang TK 911.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :515-Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	TK DU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	KC.04	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	117.289	0
...	...	...	...	...	...	...
28/02/25	KC.03	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	83.522	0
...	...	...	...	...	...	...
31/03/25	KC.03	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	127.887	0
...	...	...	...	...	...	...
30/04/25	KC.04	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	97.285	0
25/05/25	CTNH.019/05	25/05/25	Lãi nhập vốn	1121-VCB797	0	8.869
25/05/25	CTNH.020/05	25/05/25	Lãi nhập vốn	1121-VCB746	0	232.999
31/05/25	CTNH.024/05	31/05/25	Lãi nhập vốn	1121-TECH	0	16
31/05/25	KC.04	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	241.884	0
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	KC.03	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	36.999	0
...	...	...	...	...	...	...
31/07/25	KC.04	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	77.302	0
25/08/25	CTNH.032/08	25/08/25	Lãi nhập vốn	1121-VCB746	0	106.313
25/08/25	CTNH.036/08	25/08/25	Lãi nhập vốn	1121-VCB797	0	11.448
30/08/25	CTNH.045/08	30/08/25	Lãi nhập vốn	1121-TECH	0	16
31/08/25	KC.04	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	117.777	0
...	...	...	...	...	...	...
30/09/25	KC.03	30/09/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	105.888	0
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	KC.04	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	71.567	0
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.03	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	108.016	0
31/12/25	CTNH.050/12	31/12/25	Lãi nhập vốn	1121-VCB746	0	88.827
31/12/25	CTNH.051/12	31/12/25	Lãi nhập vốn	1121-VCB797	0	4.603
31/12/25	CTNH.052/12	31/12/25	Lãi nhập vốn	1121-TECH	0	16
31/12/25	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515	911	93.446	0
			CỘNG PHÁT SINH		1.278.862	1.278.862
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		1.278.862	1.278.862

Hình 2.25: Trích sổ cái TK 515 năm 2025

- Giá vốn hàng bán: Bên cạnh việc ghi nhận doanh thu đồng thời kế toán cũng ghi nhận giá vốn hàng bán. Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân tức thời. Cuối mỗi tháng, kế toán thực hiện thao tác kết chuyển TK 154 sang TK 632 và TK 632 sang TK 911.

Trong năm 2025, có pháp sinh khoản giảm trừ doanh thu từ hàng bán bị trả lại, nên doanh nghiệp đã nhập lại vào kho hàng.

SỔ CÁI**Mã hiệu :632-Giá vốn hàng bán**

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
Ghi Số	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	KC.01	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	150.432.146	0
31/01/25	KC.05	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	213.258.506
...	...	...	...	...	...	...
28/02/25	KC.01	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	132.274.606	0
28/02/25	KC.04	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	1.287.323.012
...	...	...	...	...	...	...
31/03/25	KC.01	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	134.432.146	0
31/03/25	KC.04	31/03/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	2.131.440.766
...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...
31/10/25	KC.01	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	140.514.156	0
31/10/25	KC.05	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	569.071.936
...	...	...	...	...	...	...
30/11/25	KC.01	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	138.700.310	0
30/11/25	KC.04	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	3.863.422.161
...	...	...	...	...	...	...
23/12/25	PXK.019/12	23/12/25	Xuất kho theo HD số : 196,23/12/25	1561	7.681.242	0
23/12/25	PNKL.001	23/12/25	Nhập kho hàng trả lại theo HD số : 35,23/12/25	1561	0	3.310.213
24/12/25	PXK.020/12	24/12/25	Xuất kho theo HD số : 197,24/12/25	1561	23.651.097	0
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	PXK.025/12	31/12/25	Xuất kho theo HD số : 203,31/12/25	1561	2.920.119	0
31/12/25	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632	154	159.333.770	0
31/12/25	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632	911	0	508.985.216
			CỘNG PHÁT SINH		13.488.512.296	13.488.512.296
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		13.488.512.296	13.488.512.296

Hình 2.26: Trích sổ cái TK 632 năm 2025

- Chi phí quản lý kinh doanh: Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng chủ yếu là chi phí xăng, chi phí sửa chữa xe vận chuyển hàng hóa đi bán, chi phí xuất hàng mẫu để kiểm tra chất lượng, hàng bảo hành,...

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**Mã hiệu : 6421-Chi phí bán hàng****Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25**

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
04/01/25	PC.006/01	04/01/25	Xăng RON95-III	1111	909.091	0
...	...	...	...	...	...	...
31/01/25	KHTS.002/1	31/01/25	Khấu hao Xe ô tô Ford Focus màu trắng Tháng 1	2141	4.268.228	0
31/01/25	CPCPB.003/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Lốp 215/50r17 Michelin Tháng 1	242	250.772	0
31/01/25	CPCPB.004/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Lốp xe Tháng 1	242	250.772	0
31/01/25	KC.06	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	14.142.504
...	...	...	...	...	...	...
09/02/25	PC.007/02	09/02/25	Xăng RON95-III	1111	845.510	0
...	...	...	...	...	...	...
28/02/25	CPCPB.002/2	28/02/25	Hạch toán CP CPB : Lốp 215/50r17 Michelin Tháng 2	242	250.772	0
28/02/25	CPCPB.003/2	28/02/25	Hạch toán CP CPB : Lốp xe Tháng 2	242	250.772	0
28/02/25	KC.05	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	7.156.631
01/03/25	PC.001/03	01/03/25	Xăng RON95-III	1111	772.799	0
10/03/25	PC.011/03	10/03/25	Cước vận chuyển	1111	15.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...
02/11/25	PC.003/11	02/11/25	Xăng RON 95 mức 3	1111	833.366	0
11/11/25	PC.007/11	11/11/25	Cước vận chuyển và bốc xếp hàng từ Đầm Rong 2 đi Phan Anh, Đà Nẵng	1111	640.000	0
14/11/25	PKT.007/11	14/11/25	Bảo dưỡng xe	331	6.032.620	0
15/11/25	PC.012/11	15/11/25	Xăng RON95 mức 3	1111	740.741	0
29/11/25	PKT.008/11	29/11/25	Cước vận chuyển	331	4.200.000	0
30/11/25	PC.021/11	30/11/25	Xăng RON 95 Mức 5	1111	833.404	0
30/11/25	KC.05	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	13.280.131
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	PXKNL.009/12	31/12/25	Xuất hàng mẫu	1561	1.330.979	0
31/12/25	PXKNL.017/12	31/12/25	Xuất hàng bảo hành	1561	878.386	0
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421	911	0	20.938.573
			Cộng phát sinh		135.142.162	135.142.162
			Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 2.27: Trích sổ chi tiết TK 6421 năm 2025

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp chủ yếu chi phí lương của bộ phận văn phòng, các khoản trích bảo hiểm xã hội bộ phận văn phòng vào chi phí doanh nghiệp, chi phí thuê văn phòng, tiền điện, khấu hao tài sản cố định, công cụ dụng cụ,...

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	0
01/01/25	PKT.007/01	01/01/25	Hạch toán thuế môn bài 2025	3339	4.000.000	0
04/01/25	PC.005/01	04/01/25	Dịch vụ ăn uống	1111	3.390.000	0
...	...	...	...	...	...	...
04/01/25	CTNH.001/01	04/01/25	Phí dịch vụ SMS chủ động	1121-VCB746	55.000	0
...	...	...	...	...	...	...
25/01/25	CTNH.031/01	25/01/25	Phí quản lý TK	1121-VCB797	22.000	0
30/01/25	PC.032/01	30/01/25	Dịch vụ ăn uống	1111	2.612.786	0
30/01/25	PC.032/01	30/01/25	Dịch vụ ăn uống	1111	407.704	0
31/01/25	PC.034/01	31/01/25	Cước chuyển phát	1111	311.520	0
31/01/25	PKT.008/01	31/01/25	Hạch toán tiền lương nhân viên T1/25	334	192.730.000	0
31/01/25	PKT.010/01	31/01/25	Trích nộp 17.5% BHXH cho nhân viên T1/25	3383	4.908.750	0
31/01/25	PKT.012/01	31/01/25	Trích nộp 3% BHYT cho nhân viên T1/25	3384	841.500	0
31/01/25	PKT.014/01	31/01/25	Trích nộp 1% BHTN cho nhân viên T1/25	3385	280.500	0
31/01/25	PKT.020/01	31/01/25	Hạch toán lương tăng ca T1/25	334	8.820.006	0
31/01/25	KHTS.001/1	31/01/25	Khấu hao Bộ bàn ghế sofa Tháng 1	2141	700.000	0
31/01/25	CPCPB.001/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Máy hút bụi, VS thiết bị Tháng 1	242	247.230	0
31/01/25	CPCPB.002/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Chứng thư số Tháng 1	242	59.086	0
31/01/25	CPCPB.005/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Máy giặt Tháng 1	242	423.864	0
31/01/25	CPCPB.006/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Máy in Tháng 1	242	390.152	0
31/01/25	CPCPB.007/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Máy in Tháng 1	242	280.303	0
31/01/25	CPCPB.008/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Máy lạnh Tháng 1	242	153.788	0
31/01/25	CPCPB.009/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Máy tính xách tay Tháng 1	242	401.515	0
31/01/25	CPCPB.010/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Thuê địa điểm kinh doanh 2025 Tháng 1	242	20.000.000	0
31/01/25	CPCPB.012/1	31/01/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng 2025 Tháng 1	242	25.000.000	0
31/01/25	PC.037	31/01/25	Chi đồng phục t1/25	1111	6.400.000	0
31/01/25	KC.07	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911	0	325.319.151
...	...	...	...	...	...	...
30/06/25	PKT.016	30/06/25	Hoàn dự phòng	3524	0	1.209.869.034
30/06/25	KC.06	30/06/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911	878.650.921	0
...	...	...	...	...	...	...
31/12/25	CPCPB.025/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thiết bị chuyển mạch TP-LINK, LS1008G Tháng 12	242	79.167	0
31/12/25	CPCPB.026/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thiết bị chuyển mạch, TP-LINK, TL-SG1016D Tháng 12	242	115.000	0
31/12/25	CPCPB.027/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thi công nội thất văn phòng Tháng 12	242	957.396	0
31/12/25	CPCPB.028/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thuê địa điểm kinh doanh 2025 Tháng 12	242	20.000.000	0
31/12/25	CPCPB.030/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Thuê văn phòng 2025 Tháng 12	242	25.000.000	0
31/12/25	PC.038	31/12/25	Chi đồng phục	1111	6.800.000	0
31/12/25	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422	911	0	1.267.351.761
			Cộng phát sinh		5.991.833.216	5.991.833.216
			Số dư cuối kỳ		0	0

Hình 2.28: Trích sổ chi tiết TK 6422 năm 2025

- **Chi phí khác:** Trong năm 2025, doanh nghiệp phát sinh các khoản chậm nộp thuế, các chi phí loại khác như mua túi, không có hóa đơn,...

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :811-Chi phí khác

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	STT dòng	TK	Số tiền VND	
Ghi Số	Số	Ngày			DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0	0
23/01/25	CTNH.025/01	23/01/25	Phạt chậm nộp		1121-VCB746	833	0
31/01/25	KC.08	31/01/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		911	0	833
15/02/25	PC.013/02	15/02/25	Chi phí loại		1111	15.990.000	0
28/02/25	KC.07	28/02/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		911	0	15.990.000
...	...	...	...		...	...	...
30/04/25	KC.08	30/04/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		911	0	464.831
07/05/25	CTNH.007/05	07/05/25	Phạt chậm nộp		1121-VCB746	112.267	0
31/05/25	KC.08	31/05/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		911	0	112.267
21/07/25	CTNH.028/07	21/07/25	Chi phí khác		1121-VCB746	105.000.000	0
31/07/25	KC.08	31/07/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		911	0	105.000.000
01/08/25	CTNH.004/08	01/08/25	Tiền chậm nộp		1121-VCB746	2.428	0
14/08/25	CTNH.015/08	14/08/25	Chi phí loại		1121-VCB797	124.530.000	0
31/08/25	KC.08	31/08/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		911	0	124.532.428
...	...	...	...		...	...	...
27/10/25	PKT.015/10	27/10/25	Hạch toán giảm thuế còn khấu trừ theo công văn giải trình ngày 27/10/2025		1331	497.704	0
31/10/25	PC.031/10	31/10/25	Mua túi (loại)		1111	2.070.000	0
31/10/25	KC.08	31/10/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		911	0	13.661.945
06/11/25	CTNH.019/11	06/11/25	Phạt chậm nộp		1121-VCB746	323.231	0
...	...	...	...		...	...	...
30/11/25	KC.07	30/11/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		911	0	2.791.762
19/12/25	PKT.016	19/12/25	Chi phí khác		131	1	0
31/12/25	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		911	0	1
			CỘNG PHÁT SINH			262.554.067	262.554.067
			SỐ DƯ CUỐI KỲ			0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM			262.554.067	262.554.067

Hình 2.29: Trích sổ cái TK 811 năm 2025

Trong năm 2025, doanh nghiệp không phát sinh chi phí tài chính và thu nhập khác.

- Xác định lợi nhuận trước thuế: Cuối năm tài chính, kế toán thực hiện tổng hợp doanh thu và các chi phí phát sinh trong kỳ để biết được doanh nghiệp trong năm làm ăn lời hay lỗ từ đó tính ra số thuế TNDN phải nộp trong năm.

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
 [03] Mã số thuế: 0401539430

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	21.216.400.222
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	4.785.900
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	4.785.900
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	1.278.862
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	1.278.862
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	17.523.657.506
a	Giá vốn hàng bán	[13]	13.485.202.083
b	Chi phí bán hàng	[14]	135.142.162
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	3.903.313.261
5	Chi phí tài chính	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	3.689.235.678
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	262.554.067
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(262.554.067)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	3.426.681.611

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 11 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

ĐOÀN THỊ PHÚ

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
 Ngày ký: 03/04/2026 17:39:36.

Hình 2.30: Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

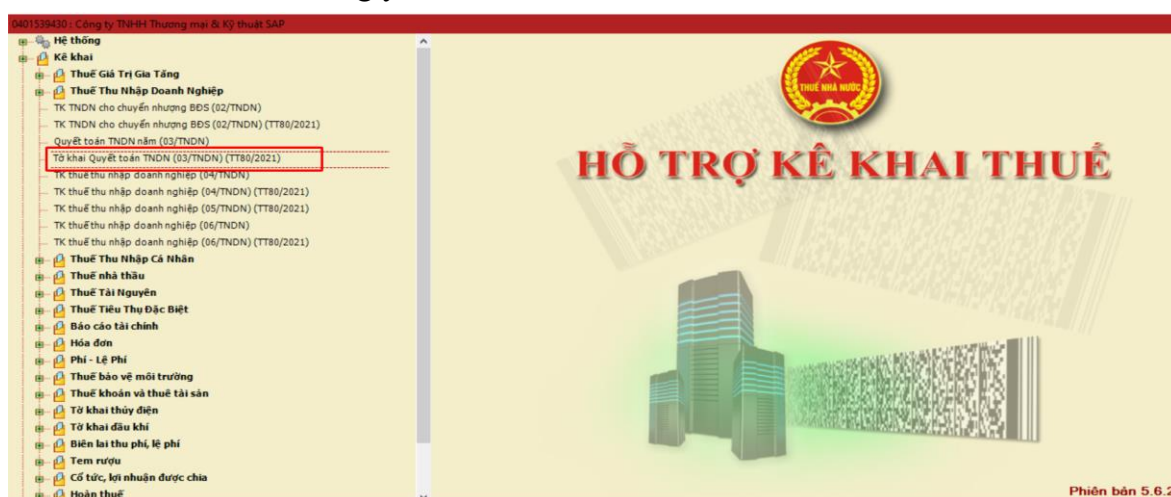
- Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP phản ánh thuế TNDN trên TK 3334 và TK 821.

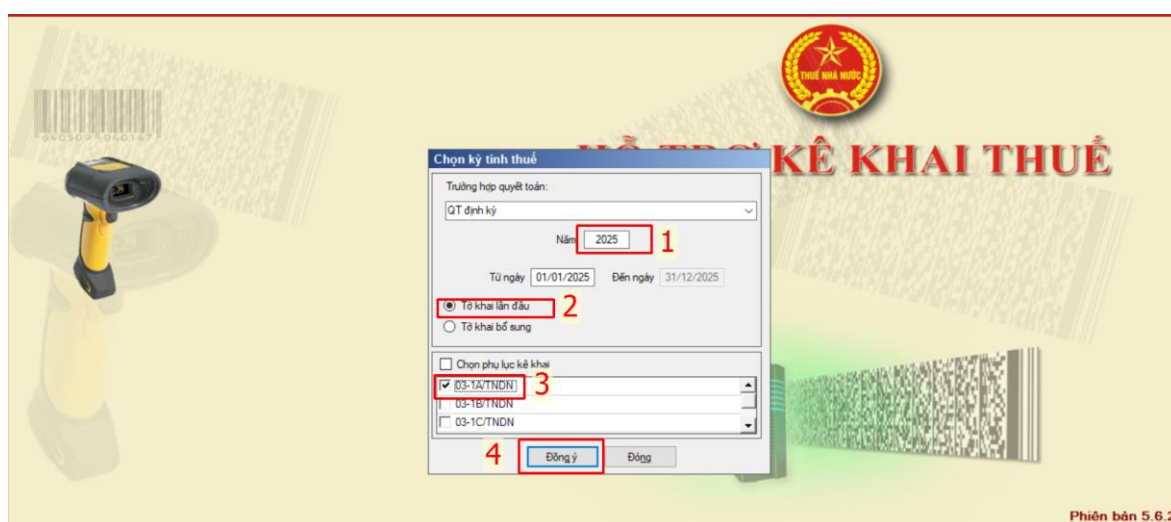
Kế toán tiến hành kê khai phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lập tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu (03/TNDN)(TT80/2021) do Bộ tài chính phát hành. Để lập tờ khai quyết toán thuế TNDN, công ty sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTKK để kê khai. Các bước kê khai thuế TNDN như sau:

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm HTKK bằng mã số thuế của công ty => bấm “Đồng ý” hoặc kê khai thông tin cho doanh nghiệp (nếu chưa kê khai trước đó) (thực hiện tương tự bước đăng nhập phần mềm hỗ trợ để kê khai thuế GTGT).

Bước 2: Trong giao diện màn hình chính HTKK chọn Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN)(TT80/2021) ở mục Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chọn phụ lục 03 - 1A/TNDN => bấm “Đồng ý”.



Hình 2.31: Giao diện HTKK phân hệ thuế TNDN



Hình 2.32: Hướng dẫn chọn phụ lục kê khai thuế TNDN

Bước 3: Dựa vào bút toán kết chuyển lãi lỗ, nhập số liệu vào phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03-1A/TNDN. Sau khi hoàn thiện số ở phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế TNDN.

Bước 4: Sau khi hoàn thành kê khai tờ khai quyết toán thuế TNDN và phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kế toán kết xuất File XML để nộp tờ khai trên trang dịch vụ công.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)
[02] Lần đầu: [] **[03]** Bổ sung lần thứ: [1]

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn
[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %
[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
[07] Mã số thuế: 0401539430

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	3.426.681.611
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1=B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	262.554.067
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	262.554.067
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	3.689.235.678
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	3.689.235.678
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	3.689.235.678
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	3.689.235.678
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	3.689.235.678
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	3.689.235.678
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	627.170.065
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN(C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh(C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	627.170.065
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BDS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	627.170.065
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	627.170.065
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	196.972.364
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		196.972.364
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	196.972.364
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	430.197.701
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=H1+H2$)	I	430.197.701
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	430.197.701
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NGHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 11 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

ĐOÀN THỊ PHÚ

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xố số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xố số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xố số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 627.170.065 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xố số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
Ngày ký: 03/04/2026 17:39:36.

Hình 2.33: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
Ghi Số	Số	Ngày		DU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
31/12/25	PKT.020/12	31/12/25	Thuế TNDN	3334	627.170.065	0
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	911	0	627.170.065
			CỘNG PHÁT SINH		627.170.065	627.170.065
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		627.170.065	627.170.065

Hình 2.34: Trích sổ cái TK 821 năm 2025

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**Mã hiệu : 3334-Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền VND	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	424.741.057
23/01/25	CTNH.028/01	23/01/25	Nộp tiền thuế TNDN năm 2024	1121-VCB746	300.000.000	0
04/04/25	CTNH.005/04	04/04/25	Nộp tiền thuế TNDN	1121-VCB746	124.741.057	0
21/10/25	PKT.006/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN 2022 (theo công văn giải trình ngày 21/10/25)	811	0	4.336.327
21/10/25	PKT.007/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN 2023 (theo công văn giải trình ngày 21/10/25)	811	0	860.546
22/10/25	CTNH.029/10	22/10/25	Nộp tiền thuế TNDN 2022	1121-VCB746	4.336.327	0
22/10/25	CTNH.030/10	22/10/25	Nộp tiền thuế TNDN 2023	1121-VCB746	860.546	0
22/10/25	CTNH.033/10	22/10/25	Tạm nộp thuế TNDN năm 2025	1121-VCB746	200.000.000	0
27/10/25	PKT.013/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN năm 2022 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)	811	0	2.070.000
27/10/25	PKT.014/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN năm 2023 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)	811	0	957.636
31/12/25	PKT.020/12	31/12/25	Thuế tndn	821	0	627.170.065
			Cộng phát sinh		629.937.930	635.394.574
			Số dư cuối kỳ		0	430.197.701

Hình 2.35: Trích sổ chi tiết TK 3334 năm 2025.

Nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN:

Bước 1: Để nộp tờ khai, kế toán truy cập vào trang web <https://dichvucong.gdt.gov.vn> chọn “Đăng nhập bằng tài khoản thuế điện tử” => bấm “Doanh nghiệp”=> Nhập tên đăng nhập, mật khẩu => bấm “Đăng nhập” (Kế toán thao tác như bước nộp tờ khai thuế GTGT).

Bước 2: Nhấn chọn tab “Thủ tục hành chính” => Tìm kiếm tờ khai “Thuế thu nhập doanh nghiệp” => Bấm “Tìm kiếm” => bấm “ Nộp hồ sơ ” => bấm “Tờ khai quyết toán thuế TNDN MẪU SỐ 03/TNDN (TT80/2021)”=> bấm “Nộp XML” và tải file đã lưu trong máy tính => bấm “Ký tờ khai” => bấm “Nộp tờ khai”.

The screenshot shows the 'THỦ TỤC HÀNH CHÍNH' (Administrative Procedures) section. It includes a search bar with the text 'Tra cứu thủ tục hành chính' and a 'Tìm kiếm' (Search) button. Below the search bar, there are several dropdown menus for filtering results: 'Tên/Mã thủ tục hành chính' (Name/Code of administrative procedure), 'Loại thủ tục hành chính' (Type of administrative procedure), 'Mức độ' (Degree), and 'Loại Người Nộp Thuế' (Type of taxpayer). The search results are displayed in a table with columns: STT (Serial number), Mã (Code), Tên thủ tục (Name of administrative procedure), Mức độ (Degree), Cơ quan thực hiện (Competent authority), and Nộp hồ sơ (Submit application). The first result is highlighted with a red box, showing the code '1.008346' and the name 'Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp doanh thu - chi phí' (Corporate income tax return by the cost of sales method).

Hình 2.36: Cách nộp tờ khai thuế TNDN

Bước 3: Sau khi đã nộp tờ khai, kiểm tra và tra cứu tờ khai đã nộp. Chọn “Tra cứu hồ sơ” => chọn “Ngày nộp”=> nhấn chọn “Tra cứu” thì xem được kết quả nộp tờ khai có được cơ quan thuế chấp nhận hay không (Kế toán thao tác như bước tra cứu tờ khai thuế GTGT).

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt [] Chuyển khoản [X]

Loại tiền: VND [X] USD [] Khác:....

(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số C1- 02/NS
(ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính)
Mã hiệu: 20260406506521189
Số: 20260406506521189

Số tham chiếu: 11220260369387153

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
Địa chỉ: 08 Phan Văn Đình, Phường Liên Chiểu
Quận/Huyện:
Người nộp thay:
Địa chỉ:
Quận/Huyện:
Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
Nộp vào cho NSNN [X] TK tạm thu []
Vào tài Khoản của KBNN: KBNN Khu vực XIII - PGD số 2
Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: AGR Liên Chiểu
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước [] Thanh tra tài chính []
Thanh tra Chính phủ [] Cơ quan có thẩm quyền khác []
Tại cơ quan quản lý thu: Phường Liên Chiểu - Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng Mã CQ thu: 1142264

Mã số thuế: 0401539430
Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng
Mã số thuế:
Tỉnh, TP:
trích TK số: 00041000169746
Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Ký thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiêu Mục
1	0500168606040001	00/CN/2025	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí);		430.197.701	854	1052
Tổng tiền					430.197.701		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Bốn trăm ba mươi triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm linh một đồng

PHẦN KBNN GHI	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
Ngày ký: 06/04/2026 09:18:53.

Ký điện tử bởi: CỤC THUẾ
Ngày ký: 06/04/2026 09:18:33.

Ký điện tử bởi: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Ngày ký: 06/04/2026 09:18:32.

Hình 2.37: Giấy nộp tiền thuế TNDN năm 2025

- Thuế TNDN tạm tính:

Doanh nghiệp chỉ thực hiện tạm nộp tiền thuế TNDN năm 2025 tại quý 3/2025 và số tiền tạm nộp của 04 quý thấp hơn 80% số tiền thuế TNDN phải nộp trong năm. Và doanh nghiệp chấp nhận nộp tiền chậm nộp thuế TNDN.

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:....

(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

Mẫu số C1- 02/NS

(ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính)

Mã hiệu: 20251022506518449

Số: 20251022506518449

Số tham chiếu: 11220250345211135

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Địa chỉ: 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu

Quận/Huyện:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

Nộp vào cho NSNN ☒ TK tạm thu ☐

Vào tài Khoản của KBNN: KBNN Khu vực XIII - PGD số 2

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: AGR Thanh Khê

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Tại cơ quan quản lý thu: Phường Liên Chiểu - Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng Mã CQ thu: 1142264

Mã số thuế: 0401539430

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mã số thuế:

Tỉnh, TP:

trích TK số: 00041000169746

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Phản dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phản dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiểu Mục
1		00/CN/2025	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí) ;		200.000.000	854	1052
Tổng tiền						200.000.000	

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm triệu đồng

PHẦN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	

-  Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
-  Ngày ký: 22/10/2025 11:33:18.
-  Ký điện tử bởi: CỤC THUẾ
-  Ngày ký: 22/10/2025 11:32:16.
-  Ký điện tử bởi: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
-  Ngày ký: 22/10/2025 11:33:47.

Hình 2.38: Giấy tạm nộp tiền thuế TNDN

CHƯƠNG III : NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

3.1. Nhận xét và một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

3.1.1. Ưu điểm

- Trong năm 2025, công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kê khai và nộp thuế theo đúng quy định của Bộ Tài chính và cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Các loại thuế phát sinh đều được kê khai trung thực, chính xác và nộp đúng thời hạn, thể hiện tinh thần tuân thủ pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối với các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ có giá trị thanh toán từ 5 triệu đồng trở lên, công ty thực hiện thanh toán thông qua tài khoản tiền gửi ngân hàng theo đúng quy định hiện hành.

3.1.2. Nhược điểm

Tuy nhiên vì thời gian thực tập ngắn, em nhận thấy được một số nhược điểm về công tác kế toán thuế GTGT ở công ty như sau:

- Mặc dù quy mô hoạt động của công ty tương đối lớn, số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều nhưng bộ phận kế toán hiện chỉ có 03 nhân viên phụ trách toàn bộ công việc kế toán. Điều này làm cho khối lượng công việc của kế toán khá lớn, gây khó khăn trong việc theo dõi, đối chiếu và kiểm soát thời hạn thanh toán công nợ dễ dẫn đến việc thanh toán chậm so với thời hạn quy định trong hợp đồng. Và những hóa đơn chậm thanh toán sẽ không đủ điều kiện được khấu trừ thuế GTGT.
- Trong quá trình hạch toán, đối với những hóa đơn mà kế toán xác định là chưa hợp lý, kế toán thường thực hiện hạch toán toàn bộ số thuế GTGT vào giá trị tiền hàng thay vì tách riêng phần thuế GTGT không được khấu trừ. Việc xử lý như vậy tuy giúp kế toán thuận tiện hơn trong quá trình ghi sổ nhưng dễ dẫn đến sai lệch giữa số liệu thuế GTGT trên sổ kế toán, tờ khai thuế GTGT và dữ liệu trên hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế.

Cụ thể, hóa đơn GTGT số 10904 ngày 31/10/2025 (phụ lục 2) kế toán nhập liệu lên phần mềm như sau:

Tiền VND	TS	TK Thuế	Thuế VND	Tổng tiền
2,070,000		1331	0	2,070,000

TT	Seri HD	Số HD	Ngày HD	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Thành tiền VND	% TS	Tiền thuế VND	Tổng Tiền	ĐTPN Nợ	ĐTPN Có	Mã C.Trình
1	1C2SMAB	10904	31/10/25	Mua tài (loại)	811	1111	2,070,000		0	2,070,000	0316713078	0316713	

Hình 3.1: Hóa đơn GTGT số 10904 nhập liệu vào phần mềm Smartpro

3.1.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác thuế giá trị gia tăng

Dựa trên những đánh giá ưu và nhược điểm đã nêu ở phần trên về thực tế công tác thuế GTGT, em xin đưa ra một số giải pháp, đề xuất để góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán thuế GTGT tại công ty như sau:

- Công ty cần bổ sung thêm nhân sự phụ trách kế toán công nợ để nâng cao hiệu quả trong công tác theo dõi, đối chiếu, thu hồi công nợ và thanh toán cho nhà cung cấp. Việc bố trí nhân sự chuyên trách sẽ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt các khoản phải thu, phải trả; hạn chế rủi ro nợ xấu; đồng thời đảm bảo quá trình thanh toán và thu hồi nợ được thực hiện đúng quy định của pháp luật và theo thời hạn đã ký kết trong hợp đồng. Doanh nghiệp có thể sử dụng excel cũng như các hàm để có thể phân loại, tính toán hạn thanh toán như sau:

G4						
=IF(D4-TODAY()>0;"CÒN "&(D4-TODAY())&" NGÀY";IF(D4-TODAY()<0;"QUÁ HẠN "&ABS(D4-TODAY())&" NGÀY";"ĐẾN HẠN HÔM NAY"))						
A	B	C	D	E	F	G
ST	SỐ HỢP ĐƠN	NGÀY HỢP ĐỒNG	NGÀY ĐẾN HẠN	SỐ TIỀN	NHÀ CUNG CẤP	HẠN THANH TOÁN
1	ABC	16/05/2026	29/05/2026	50.000.000	NHÀ CUNG CẤP ABC	QUÁ HẠN 1 NGÀY
2	...	15/05/2026	25/05/2026	25.000.000	NHÀ CUNG CẤP...	QUÁ HẠN 5 NGÀY
3	...	17/05/2026	30/05/2026	5.000.000	NHÀ CUNG CẤP...	ĐẾN HẠN HÔM NAY
4	...	15/05/2026	31/05/2026	10.000.000	NHÀ CUNG CẤP...	CÒN 1 NGÀY

Hình 3.2: Minh họa hàm excel

- Công ty cần thực hiện hạch toán chính xác giá trị hàng hóa và số thuế giá trị gia tăng đối với các hóa đơn đầu vào, đầu ra. Cuối mỗi quý, kế toán sẽ loại phần thuế GTGT đối với những hóa đơn không đủ điều kiện khấu trừ và số tiền đó sẽ được hạch toán vào chi phí. Và số tiền thuế GTGT đủ điều kiện được khấu trừ sẽ điều vào ô [25] trên tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT (TT80/2021).

Minh họa:

- Ngày 31/10/2025:
Nợ TK 811 1.916.667

Nợ TK 1331 153.333
Có TK 1111 2.070.000

• Ngày 31/12/2025:
Nợ TK 811 153.333
Có TK 1331 153.333

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)
(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường
[01b] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2025
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP
[05] Mã số thuế: 0401539430
[06] Tên đại lý thuế (nếu có):
[07] Mã số thuế:
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số
[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:
[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:
[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tính nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Xã/phường/đặc khu:
[11b] Quận/Huyện:
[11c] Tỉnh/Thành phố:

Mẫu số: 01/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	[]
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22] 0
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23] 5.155.490.529	[24] 412.408.854
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a] 0	[24a] 0
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này		[25] 412.255.521
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26] 0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ([27]=[29]+[30]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27] 522.952.200	[28] 41.836.176
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29] 0	
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30] 0	[31] 0
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32] 522.952.200	[33] 41.836.176
d	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a] 0	
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28])	[34] 522.952.200	[35] 41.836.176
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])		[36] (370.419.345)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37] 1.385.202
2	Điều chỉnh tăng		[38] 0
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ		[39a] 0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ {[40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]} ≥ 0		[40a] 0
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ([40b]≤[40a])		[40b] 0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])		[40] 0
	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này		
4	{[41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]} ≤ 0		[41] 369.034.143
4.1	Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn ([42] ≤ [41])		[42] 0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])		[43] 369.034.143

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

Hình 3.3: Tờ khai thuế GTGT quý 4 năm 2025 minh họa

3.2. Nhận xét và một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP

3.2.1. Ưu điểm

- Doanh nghiệp có ý thức chấp hành nghĩa vụ thuế TNDN theo quy định của pháp luật, thực hiện kê khai và nộp thuế tương đối đầy đủ cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.
- Các khoản thuế TNDN phát sinh đều được theo dõi và phản ánh trên hệ thống sổ sách kế toán, những khoản chi phí không hợp lý đều được kế toán phân loại rõ ràng trong quá trình hạch toán.
- Doanh nghiệp thực hiện nộp thuế thông qua tài khoản ngân hàng, giúp việc thanh toán thuế rõ ràng, chính xác và thuận tiện trong quá trình đối chiếu chứng từ với cơ quan thuế.
- Công ty thường xuyên theo dõi tình hình doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh để xác định nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp, giúp hạn chế tình trạng kê khai thiếu hoặc sai sót lớn.
- Doanh nghiệp luôn hợp tác với cơ quan thuế trong quá trình thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin liên quan đến thuế TNDN đầy đủ, kịp thời.

3.2.2. Nhược điểm

- Trong năm 2025, doanh nghiệp có thực hiện nghĩa vụ tạm nộp thuế TNDN nhưng không tạm nộp đủ 80% số thuế TNDN điều này dẫn đến doanh nghiệp bị phát sinh chi phí chậm nộp thuế TNDN.
- Trong năm 2025, mặc dù doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNDN tạm tính, tuy nhiên bộ phận kế toán mới chỉ phản ánh nghiệp vụ thanh toán (Nợ TK 3334/ Có TK 112) mà quên bước ghi nhận chi phí (Nợ TK 821/ Có TK 3334).

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Dựa trên những đánh giá ưu và nhược điểm đã nêu ở phần trên về thực tế công tác thuế TNDN, em xin đưa ra một số giải pháp, đề xuất để góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại công ty như sau:

- Kế toán nên thực hiện các bước ghi nhận chi phí thuế TNDN thay vì chỉ ghi nhận bút toán nộp tiền thuế TNDN, điều này có thể giúp kế toán theo dõi khoản chi phí thuế TNDN trong năm và khoản chi phí thuế tạm nộp. Và cũng thuận tiện trong việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh của từng quý và phục vụ công tác đánh giá về hệ thống quản trị và nội bộ trong doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Mã hiệu :821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
Ghi Số	Số	Ngày		ĐU	Nợ	Có
			SỐ DƯ ĐẦU KỲ	0	0	0
22/10/25	CTNH.22	22/10/25	Tạm nộp thuế TNDN	3334	200.000.000	
31/12/25	PKT.020/12	31/12/25	Thuế TNDN	3334	427.170.065	0
31/12/25	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821	911	0	427.170.065
			CỘNG PHÁT SINH		627.170.065	627.170.065
			SỐ DƯ CUỐI KỲ		0	0
			LŨY KẾ PHÁT SINH TỪ ĐẦU NĂM		627.170.065	627.170.065

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Mã hiệu : 3334-Thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền VND	
ghi số	Số	Ngày		ĐU	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		0	424.741.057
23/01/25	CTNH.028/01	23/01/25	Nộp tiền thuế TNDN năm 2024	1121-VCB746	300.000.000	0
04/04/25	CTNH.005/04	04/04/25	Nộp tiền thuế TNDN	1121-VCB746	124.741.057	0
21/10/25	PKT.006/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN 2022 (theo công văn giải trình ngày 21/10/25)	811	0	4.336.327
21/10/25	PKT.007/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN 2023 (theo công văn giải trình ngày 21/10/25)	811	0	860.546
22/10/25	CTNH.029/10	22/10/25	Nộp tiền thuế TNDN 2022	1121-VCB746	4.336.327	0
22/10/25	CTNH.030/10	22/10/25	Nộp tiền thuế TNDN 2023	1121-VCB746	860.546	0
22/10/25	CTNH.033/10	22/10/25	Tạm nộp thuế TNDN năm 2025	821	0	200.000.000
22/10/25	CTNH.033/10	22/10/25	Tạm nộp thuế TNDN năm 2025	1121-VCB746	200.000.000	0
27/10/25	PKT.013/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN năm 2022 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)	811	0	2.070.000
27/10/25	PKT.014/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN năm 2023 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)	811	0	957.636
31/12/25	PKT.020/12	31/12/25	Thuế tndn	821	0	427.170.065
			Cộng phát sinh		629.937.930	635.394.574
			Số dư cuối kỳ		0	430.197.701

Hình 3.4: Trích minh họa hạch toán

- Công ty cần tuân thủ tạm nộp tiền thuế TNDN đúng quy định, để tránh việc phải nộp phạt tiền chậm nộp, điều này cũng tránh việc phát sinh chi phí trong doanh nghiệp.
- Công ty cần tuân thủ theo quy định pháp luật, tránh việc mua hàng mang tính chất cá nhân nhưng sử dụng tiền công ty để thanh toán và vì là các hóa đơn không hợp lệ nên khi lên tờ khai sẽ bị loại trừ khi tính thuế TNDN.

KẾT LUẬN

Luật Thuế giá trị gia tăng và luật thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi ban hành đến nay đã trải qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và phù hợp với thực tiễn của nền kinh tế đặc biệt là thời gian từ ngày 01/07/2025 trở về sau đã có nhiều sửa đổi và bổ sung. Song song với đó, chế độ kế toán Việt Nam cũng không ngừng được hoàn thiện, từng bước tiếp cận và hài hòa với các chuẩn mực kế toán quốc tế để đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế.

Đối với mỗi doanh nghiệp, công tác kế toán thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp giữ vai trò đặc biệt quan trọng, giúp doanh nghiệp xác định chính xác, đầy đủ số thuế phải nộp, từ đó chủ động trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình thông qua việc hạch toán các khoản thuế được khấu trừ, hoàn thuế theo quy định. Việc thực hiện tốt công tác kế toán thuế còn góp phần nâng cao uy tín của doanh nghiệp đối với các đối tác và cơ quan quản lý Nhà nước.

Trong thời gian thực tập, em đã cố gắng tìm hiểu cơ sở lý luận chung về thuế, kế toán thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp, đồng thời nghiên cứu thực trạng công tác kế toán thuế tại công ty. Qua đó, bước đầu nắm bắt được những kiến thức lý thuyết nền tảng, tham gia thực hiện một số công việc liên quan đến kế toán thuế, từ đó hình dung một cách tổng quát về quy trình kế toán và vận dụng vào quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Tuy nhiên, do kinh nghiệm thực tế còn hạn chế, thời gian thực tập chưa nhiều, nên nội dung nghiên cứu của đề tài chủ yếu mới dừng lại ở những vấn đề cơ bản và các nhận xét, kiến nghị đưa ra còn mang tính tương đối. Vì vậy, bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự quan tâm, góp ý và chỉ dẫn quý báu của các thầy cô để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thông tư 133/2016/TT-BTC.
- Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.
- Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12.
- Nghị quyết 204/2025/QH15 về giảm Thuế GTGT.
- Luật Thuế GTGT 2024, số 48/2024/QH15.
- Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thuế GTGT.
- Thông tư 69/2025/TT-BTC quy định chi tiết Luật Thuế GTGT và hướng dẫn nghị định 181/2025/NĐ-CP.
- Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15.
- Sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán của công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật SAP.

PHỤ LỤC

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP
08 Phan Văn Định, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số thuế : 0401539430

Mẫu số: S03A-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/25 đến ngày 31/12/25

Ngày Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Phát sinh trong kỳ (Vnd)	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
01/01/2025	PC.003/01	01/01/25	Thanh toán tiền thuê kho, địa điểm		480.000.000	480.000.000
			Phải trả cho người bán	331	480.000.000	
			Tiền Việt Nam	1111		480.000.000
...	...	...	...	...		...
19/02/2025	CTNH.022/02	19/02/25	Thu tiền khách hàng theo HD4, ngày 20/02/2025		162.000.000	162.000.000
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746	162.000.000	
			Phải thu của khách hàng	131		162.000.000
...	...	...	...	...		...
04/10/2025	CTNH.005/10	04/10/25	Phí ngân hàng		55.000	55.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	55.000	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746		55.000
04/10/2025	PC.002/10	04/10/25	Dịch vụ ăn uống		1.629.720	1.629.720
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.509.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	120.720	
			Tiền Việt Nam	1111		1.629.720
...	...	...	...	...		...
21/10/2025	PKT.006/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN 2022 (theo công văn giải trình ngày 21/10/25)		4.336.327	4.336.327
			Chi phí khác	811	4.336.327	
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		4.336.327
21/10/2025	PKT.007/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN 2023 (theo công văn giải trình ngày 21/10/25)		860.546	860.546
			Chi phí khác	811	860.546	
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		860.546
21/10/2025	PKT.008/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q3/2022 (theo công văn giải trình ngày 21/10/2025)		742.849	742.849
			Chi phí khác	811	742.849	
			Thuế GTGT đầu ra	33311		742.849
21/10/2025	PKT.009/10	21/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q1/2023 (theo công văn giải trình ngày 21/10/2025)		430.272	430.272
			Chi phí khác	811	430.272	
			Thuế GTGT đầu ra	33311		430.272
21/10/2025	PKT.010/10	21/10/25	Hạch toán giảm thuế còn khấu trừ theo công văn giải trình ngày 21/10/2025		887.498	887.498
			Chi phí khác	811	887.498	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331		887.498
21/10/2025	PXK.019/10	21/10/25	Xuất kho theo HD số : 141,21/10/25		6.810.500	6.810.500
			Giá vốn hàng bán	632	6.810.500	
			Giá mua hàng hóa	1561		6.810.500
22/10/2025	CTNH.029/10	22/10/25	Nộp tiền thuế TNDN 2022		4.336.327	4.336.327
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334	4.336.327	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746		4.336.327

22/10/2025	CTNH.030/10	22/10/25	Nộp tiền thuế TNDN 2023		860.546	860.546
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334	860.546	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746		860.546
22/10/2025	CTNH.031/10	22/10/25	Nộp tiền thuế GTGT Q3/25		103.132.588	103.132.588
			Thuế GTGT đầu ra	33311	103.132.588	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746		103.132.588
22/10/2025	CTNH.032/10	22/10/25	Nộp tiền thuế GTGT theo công văn giải trình ngày 21/10/2025		1.173.121	1.173.121
			Thuế GTGT đầu ra	33311	1.173.121	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746		1.173.121
22/10/2025	CTNH.033/10	22/10/25	Tạm nộp thuế TNDN năm 2025		200.000.000	200.000.000
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334	200.000.000	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746		200.000.000
22/10/2025	CTNH.034/10	22/10/25	Nộp tiền thuế TNCN quý 2/25		5.625.000	5.625.000
			Thuế thu nhập cá nhân	3335	5.625.000	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746		5.625.000
22/10/2025	CTNH.035/10	22/10/25	Nộp tiền thuế TNCN q3/25		17.737.000	17.737.000
			Thuế thu nhập cá nhân	3335	17.737.000	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746		17.737.000
22/10/2025	CTNH.036/10	22/10/25	Nộp tiền vào TK		100.000.000	100.000.000
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746	100.000.000	
			Tiền Việt Nam	1111		100.000.000
22/10/2025	CTNH.037/10	22/10/25	Thu tiền khách hàng		94.474.620	94.474.620
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746	94.474.620	
			Phải thu của khách hàng	131		94.474.620
22/10/2025	HDBR.020/10	22/10/25	Doanh thu bán hàng		13.737.600	13.737.600
			Phải thu của khách hàng	131	13.737.600	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		12.720.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		1.017.600
22/10/2025	HDBR.021/10	22/10/25	Doanh thu bán hàng		17.320.824	17.320.824
			Phải thu của khách hàng	131	17.320.824	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		16.037.800
			Thuế GTGT đầu ra	33311		1.283.024
22/10/2025	HDBR.022/10	22/10/25	Doanh thu bán hàng		4.793.850	4.793.850
			Phải thu của khách hàng	131	4.793.850	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		4.438.750
			Thuế GTGT đầu ra	33311		355.100
22/10/2025	HDBR.023/10	22/10/25	Doanh thu bán hàng		27.865.188	27.865.188
			Phải thu của khách hàng	131	27.865.188	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		25.801.100
			Thuế GTGT đầu ra	33311		2.064.088
22/10/2025	PXK.020/10	22/10/25	Xuất kho theo HĐ số : 142,22/10/25		7.422.475	7.422.475
			Giá vốn hàng bán	632	7.422.475	
			Giá mua hàng hóa	1561		7.422.475
22/10/2025	PXK.021/10	22/10/25	Xuất kho theo HĐ số : 143,22/10/25		8.227.844	8.227.844
			Giá vốn hàng bán	632	8.227.844	
			Giá mua hàng hóa	1561		8.227.844
22/10/2025	PXK.022/10	22/10/25	Xuất kho theo HĐ số : 144,22/10/25		2.312.327	2.312.327
			Giá vốn hàng bán	632	2.312.327	
			Giá mua hàng hóa	1561		2.312.327
22/10/2025	PXK.023/10	22/10/25	Xuất kho theo HĐ số : 145,22/10/25		11.728.828	11.728.828
			Giá vốn hàng bán	632	11.728.828	
			Giá mua hàng hóa	1561		11.728.828

...	...	...	...	...	...	...
27/10/2025	PKT.011/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q3/2022 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)		330.296	330.296
			Chi phí khác	811	330.296	
			Thuế GTGT đầu ra	33311		330.296
27/10/2025	PKT.012/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế GTGT q1/2023 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)		478.817	478.817
			Chi phí khác	811	478.817	
			Thuế GTGT đầu ra	33311		478.817
27/10/2025	PKT.013/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN năm 2022 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)		2.070.000	2.070.000
			Chi phí khác	811	2.070.000	
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		2.070.000
27/10/2025	PKT.014/10	27/10/25	Hạch toán tiền thuế TNDN năm 2023 (theo công văn giải trình ngày 27/10/2025)		957.636	957.636
			Chi phí khác	811	957.636	
			Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		957.636
27/10/2025	PKT.015/10	27/10/25	Hạch toán giảm thuế còn khấu trừ theo công văn giải trình ngày 27/10/2025		497.704	497.704
			Chi phí khác	811	497.704	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331		497.704
27/10/2025	PXK.028/10	27/10/25	Xuất kho theo HĐ số : 151,27/10/25		26.963.836	26.963.836
			Giá vốn hàng bán	632	26.963.836	
			Giá mua hàng hóa	1561		26.963.836
28/10/2025	CTNH.052/10	28/10/25	Thu tiền khách hàng		45.966.868	45.966.868
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746	45.966.868	
			Phải thu của khách hàng	131		45.966.868
28/10/2025	CTNH.053/10	28/10/25	Thu tiền khách hàng		93.649.834	93.649.834
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746	93.649.834	
			Phải thu của khách hàng	131		93.649.834
28/10/2025	CTNH.054/10	28/10/25	Rút tiền		20.000.000	20.000.000
			Tiền Việt Nam	1111	20.000.000	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 797	1121-VCB797		20.000.000
28/10/2025	HDBR.029/10	28/10/25	Doanh thu bán hàng		6.010.200	6.010.200
			Phải thu của khách hàng	131	6.010.200	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		5.565.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		445.200
28/10/2025	HDBR.030/10	28/10/25	Doanh thu bán hàng		95.304.600	95.304.600
			Phải thu của khách hàng	131	95.304.600	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		88.245.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		7.059.600
28/10/2025	PXK.029/10	28/10/25	Xuất kho theo HĐ số : 152,28/10/25		3.410.735	3.410.735
			Giá vốn hàng bán	632	3.410.735	
			Giá mua hàng hóa	1561		3.410.735
28/10/2025	PXK.030/10	28/10/25	Xuất kho theo HĐ số : 153,28/10/25		29.700.001	29.700.001
			Giá vốn hàng bán	632	29.700.001	
			Giá mua hàng hóa	1561		29.700.001
			Giá mua hàng hóa	1561		1.260.830
...	...	...	...	...	...	...
15/12/2025	CTNH.021/12	15/12/25	Thu tiền hàng		26.504.982	26.504.982
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746	26.504.982	
			Phải thu của khách hàng	131		26.504.982
15/12/2025	CTNH.022/12	15/12/25	Thu tiền hàng		166.605.606	166.605.606
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746	166.605.606	
			Phải thu của khách hàng	131		166.605.606

...	...	...	...	...	...	...
23/12/2025	HDBR.019/12	23/12/25	Doanh thu bán hàng		14.385.600	14.385.600
			Phải thu của khách hàng	131	14.385.600	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		13.320.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		1.065.600
23/12/2025	HTL.001	23/12/25	Hàng trả lại		5.168.772	5.168.772
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	4.785.900	
			Thuế GTGT đầu ra	33311	382.872	
			Phải trả cho người bán	331		5.168.772
23/12/2025	PC.020/12	23/12/25	Dịch vụ ăn uống		1.385.000	1.385.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.282.407	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	102.593	
			Tiền Việt Nam	1111		1.385.000
23/12/2025	PNKL.001	23/12/25	Nhập kho hàng trả lại theo HĐ số : 35,23/12/25		3.310.213	3.310.213
			Gía mua hàng hóa	1561	3.310.213	
			Gía vốn hàng bán	632		3.310.213
23/12/2025	PXK.018/12	23/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 195,23/12/25		7.579.000	7.579.000
			Gía vốn hàng bán	632	7.579.000	
			Gía mua hàng hóa	1561		7.579.000
23/12/2025	PXK.019/12	23/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 196,23/12/25		7.681.242	7.681.242
			Gía vốn hàng bán	632	7.681.242	
			Gía mua hàng hóa	1561		7.681.242
24/12/2025	CTNH.037/12	24/12/25	Thu tiền hàng		3.996.000	3.996.000
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746	3.996.000	
			Phải thu của khách hàng	131		3.996.000
24/12/2025	CTNH.038/12	24/12/25	Thu tiền hàng		7.020.000	7.020.000
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746	7.020.000	
			Phải thu của khách hàng	131		7.020.000
24/12/2025	CTNH.039/12	24/12/25	Trả lại hàng		5.168.772	5.168.772
			Phải trả cho người bán	331	5.168.772	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746		5.168.772
24/12/2025	HDBR.020/12	24/12/25	Doanh thu bán hàng		51.846.221	51.846.221
			Phải thu của khách hàng	131	51.846.221	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		48.005.760
			Thuế GTGT đầu ra	33311		3.840.461
24/12/2025	PNK.003/12	24/12/25	Mua hàng nhập kho		12.405.120	12.405.120
			Gía mua hàng hóa	1561	12.405.120	
			Phải trả cho người bán	331		12.405.120
24/12/2025	PXK.020/12	24/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 197,24/12/25		23.651.097	23.651.097
			Gía vốn hàng bán	632	23.651.097	
			Gía mua hàng hóa	1561		23.651.097
25/12/2025	CTNH.040/12	25/12/25	Phí quản lý TK		22.000	22.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	22.000	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 797	1121-VCB797		22.000
25/12/2025	HDBR.021/12	25/12/25	Doanh thu bán hàng		3.996.000	3.996.000
			Phải thu của khách hàng	131	3.996.000	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		3.700.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		296.000
25/12/2025	PC.021/12	25/12/25	Dịch vụ ăn uống		1.386.720	1.386.720
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.284.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	102.720	
			Tiền Việt Nam	1111		1.386.720

...	...	...	...	...	...	...
27/12/2025	PC.023/12	27/12/25	Mua hàng nhập kho		1.254.000	1.254.000
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154	1.140.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	114.000	
			Tiền Việt Nam	1111		1.254.000
27/12/2025	PC.024/12	27/12/25	Dịch vụ ăn uống		4.259.400	4.259.400
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	3.935.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	324.400	
			Tiền Việt Nam	1111		4.259.400
28/12/2025	PC.025/12	28/12/25	Dịch vụ ăn uống		2.991.104	2.991.104
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	2.848.670	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	142.434	
			Tiền Việt Nam	1111		2.991.104
28/12/2025	PKT.003/12	28/12/25	Dịch vụ ăn uống		7.420.896	7.420.896
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	6.871.200	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	549.696	
			Phải trả cho người bán	331		7.420.896
29/12/2025	CTNH.043/12	29/12/25	Thu tiền hàng		95.304.600	95.304.600
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746	95.304.600	
			Phải thu của khách hàng	131		95.304.600
29/12/2025	HDBR.024/12	29/12/25	Doanh thu bán hàng		6.382.260	6.382.260
			Phải thu của khách hàng	131	6.382.260	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		5.909.500
			Thuế GTGT đầu ra	33311		472.760
29/12/2025	PC.026/12	29/12/25	Dịch vụ ăn uống		1.200.000	1.200.000
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	1.111.110	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	88.890	
			Tiền Việt Nam	1111		1.200.000
29/12/2025	PXK.024/12	29/12/25	Xuất kho theo HĐ số : 201,29/12/25		2.835.589	2.835.589
			Giá vốn hàng bán	632	2.835.589	
			Giá mua hàng hóa	1561		2.835.589
30/12/2025	CTNH.044/12	30/12/25	Thanh toán tiền		7.420.896	7.420.896
			Phải trả cho người bán	331	7.420.896	
			TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VCB 746	1121-VCB746		7.420.896
30/12/2025	HD.003/12	30/12/25	Cung cấp dịch vụ bảo trì đợt 2 - Gói thầu bảo trì hệ thống Bảo cháy và FM200 - Hợp đồng số 180325/HĐKT/SAP-VOCO DN.		98.280.000	98.280.000
			Phải thu của khách hàng	131	98.280.000	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		91.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	33311		7.280.000
30/12/2025	PNK.004/12	30/12/25	Mua hàng nhập kho		167.026.212	167.026.212
			Giá mua hàng hóa	1561	154.653.900	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	12.372.312	
			Phải trả cho người bán	331		167.026.212
30/12/2025	PNK.005/12	30/12/25	Mua hàng nhập kho		497.337.041	497.337.041
			Giá mua hàng hóa	1561	460.497.260	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	36.839.781	
			Phải trả cho người bán	331		497.337.041
31/12/2025	CPCPB.001/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Bảng mạch chính Tháng 12		165.909	165.909
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	165.909	
			Chi phí trả trước	242		165.909
31/12/2025	CPCPB.002/12	31/12/25	Hạch toán CP CPB : Bộ nhớ trong Tháng 12		62.121	62.121
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	62.121	
			Chi phí trả trước	242		62.121

...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	PNK.006/12	31/12/25	Mua hàng nhập kho		12.465.360	12.465.360
			Gía mua hàng hóa	1561	11.542.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	923.360	
			Phải trả cho người bán	331		12.465.360
...	...	...	...	...	...	...
31/12/2025	KC.01	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 154 sang 632		159.333.770	159.333.770
			Giá vốn hàng bán	632	159.333.770	
			Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154		159.333.770
31/12/2025	KC.02	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5111		626.492.860	626.492.860
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	626.492.860	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		626.492.860
31/12/2025	KC.03	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 5113		221.000.000	221.000.000
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	221.000.000	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		221.000.000
31/12/2025	KC.04	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 515		93.446	93.446
			Doanh thu hoạt động tài chính	515	93.446	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		93.446
31/12/2025	KC.05	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 632		508.985.216	508.985.216
			Xác định kết quả kinh doanh	911	508.985.216	
			Giá vốn hàng bán	632		508.985.216
31/12/2025	KC.06	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6421		20.938.573	20.938.573
			Xác định kết quả kinh doanh	911	20.938.573	
			Chi phí bán hàng	6421		20.938.573
31/12/2025	KC.07	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 6422		1.267.351.761	1.267.351.761
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1.267.351.761	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		1.267.351.761
31/12/2025	KC.08	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 811		1	1
			Xác định kết quả kinh doanh	911	1	
			Chi phí khác	811		1
31/12/2025	KC.09	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 821		627.170.065	627.170.065
			Xác định kết quả kinh doanh	911	627.170.065	
			Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821		627.170.065
31/12/2025	KC.10	31/12/25	Kết chuyển số dư tài khoản 911 sang 4212		1.576.859.310	1.576.859.310
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	4212	1.576.859.310	
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1.576.859.310
			Tổng cộng		166.053.182.986	166.053.182.986

Phụ lục 1: Trích sổ nhật ký chung năm 2025



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SÀI GÒN ĐÔNG HẢI

Mã số thuế (Tax code): 0316713078

Địa chỉ (Address): 227Bis Hai Bà Trưng, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số tài khoản (Bank account): 1019280281 - tại Ngân hàng Vietcombank (VCB) - PGD Lê Thánh Tôn

Điện thoại (Tel): 028 3820 6250

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25MAB

Số (No.): 00010904

Ngày (Date) 31 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): M1-25-SDIYS-00000050945

Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & KỸ THUẬT SAP

Mã số thuế (Tax code): 0401539430

Địa chỉ (Address): 08 Phan Văn Định, Phường Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

MSĐVCQHVN (Budgetary unit code):

Căn cước công dân (Citizen identification):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

Ngân hàng (Bank):

Điện thoại (Tel):

Đồng tiền thanh toán (Payment Currency): VND

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1	Túi Xách-JC19	Cái	1	1.342.592,59	1.342.593
2	Giày Cao Gót-GTH73	Đôi	1	759.259,26	759.259
Số tiền chiết khấu (Discount amount):					185.185
Cộng tiền hàng (Đã trừ CK) (Total amount excl. VAT) (Discounted):					1.916.667
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		153.333
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					2.070.000
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ SÀI GÒN ĐÔNG HẢI

Ký ngày (Signing Date): 31/10/2025

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): JPH_CNEP1078

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Phụ lục 2: Hóa đơn GTGT số 10904